

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

DUÔC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N. 73 Richaud, Hanoi



Trưởng ban: Nguyễn-năng-Quốc
Trưởng hội: Trương hội Phật-giáo
Ban-lý: Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút: Dương-văn-Hiền
Sư cụ chùa Tế Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

KINH TRÌNH CÁC GIÁO HỮU VÀ
THẬP - PHƯƠNG THIÊN - TÍN

Nhờ ơn Phật - Tổ
ủng hộ công việc
chấn hưng của Hội
Phật - giáo là mỗi
ngày một bành
trương, số hội viên
hiện nay đã khá
nhiều, nên hội có
cử M. Đoàn văn -
Tuyển đi từng nhà
các hội viên để thu
liền nhập Hội và
niên liễm, vậy các
giáo - hữu thấy M.
Đoàn - văn - Tuyển
đem biểu, thu liền
của Hội đến thu,
thì xin cử tin nhiệm
mà giao liền cho,
và biên vào bảng thu liền là : đã đóng tiền rồi.



Chân-dung M. Đoàn văn Tuyển

Các hội viên qua lai Hội quán trong khi lễ bái nếu
muốn liền đóng liền ngay thì xin cử đóng cho Sư
Cụ Cồn là Dương Gia chùa Hội quán, hay ông Nguyễn
hữu Kha là Trưởng-Ban Hộ-Niệm thu nhận.

hững số liền của Hội-viên đóng sẽ chuyển giao
sang ông Tổng Thủ Quỹ của Hội nhận giữ.

Ban Trị-sự Hội Phật giáo Bắc kỳ
Kính đạt

Luận về di-tích chùa Quỳnh



Viêng dền Đê-Thiên Đê-Thích, người các nước văn minh trong thế-giới ngày nay đều phải khởi kính cái tâm tư tinh vi, khéo léo và đồ sộ của những người dân lớp trước nước Cao-mên, và chứng rằng đó là một cái di vật tiêu biểu cho một cuộc tiến hóa thịnh trị của dân nước ấy hồi bấy giờ. Ấy nước Cao-mên ngày nay cõi đất rụt nhỏ, nhân dân thoái hóa quá độ, mà còn được danh nhân Đông Tây thăm viếng, ca tụng, tặng cho là một văn minh cổ quốc cũng là nhờ ở một cái di vật của tổ tiên hơn nghìn năm để lại ấy.

Coi đó thì biết, những sự nghiệp kiến trúc thực có quan hệ với nền văn minh, quan hệ với thể diện của một dân tộc. Tức như Kim tự tháp ở Ai-cập, đền đá, tượng đá ở Hi-lạp và Vạn-lý tràng-thành ở Trung-quốc cũng cùng một lệ ấy. Nếu không, vào một làng nào, cảnh vật hiệu tại đã tiêu điều mà không còn có một cái di tích gì đáng đề mắt cho khách du lịch, thì phỏng ta có khởi kính mà tin rằng làng ấy cũng đã có bởi phong-hóa xương mình, nhân dân hưng vượng được không. Một làng còn như thế, phương chi là một nước. Cho nên chính kiến văn minh của đạo Phật là cầu cho các quốc độ thế gian đều được trang nghiêm. Quốc độ trang nghiêm há không phải là chỗ nào cũng dân cư sáng khoái, cung quán nguy nga dư. Một quốc độ mà được chỗ nào cũng dân cư sáng khoái, cung quán nguy nga, tất là nước ấy đã được tới bậc dân trí mở mang, dân lực sung túc, dân phong thuần mỹ lắm rồi.

Vậy thì kẻ bảo đạo Phật là chỉ trọng tinh thần mà khinh hình thức thực là lầm. Phải biết đạo Phật tuy trọng tinh thần mà không hề khinh miệt hình thức. Đạo Phật phải cầu lấy sắc tướng làm trang nghiêm cho

đạo pháp, thì văn minh đạo Phật là trọng dụng cả linh thức và tinh thần.

Việt-nam ta hơn hai nghìn năm chịu ảnh hưởng văn minh của Nho Phật, đối với công cuộc kiến trúc, tiền nhân ta không phải là không lưu tâm. Cừ trong sử chép, lâu các đài tạ của các triều, điện tháp chuông tượng của các chùa, không phải là ít, và không phải là không có nhiều thứ nguy nga đồ sộ. Thế mà ngày nay chúng ta muốn nhận tìm dấu cũ, dễ tưởng thấy cái khi tượng của cổ nhân, thì ngoài tượng đồng Chấn vũ, đền Văn miếu ở Hanoi, và một khu di tích chùa Quỳnh ở Haidương ra, nào đâu là tháp Báo thiên, nào đâu là Ngũ phương tinh lâu của nhà Lý, ời chỉ là câu chuyện nói mơ mà thôi.

Nếu người không hay khảo cổ, không tin lịch sử, mà trông thấy cái biện tượng tiêu xơ của đất nước ta ngày nay, phỏng người ấy có thể nhận cho nước ta cũng là một văn minh cổ quốc ở Á-đông này được không ?

Coi đó càng thấy rằng sự kiến trúc thực là cái bình ảnh chân chính của văn minh, muốn nghìn năm sau, hầu dù không còn mà trông thấy, cái bình ảnh ấy người ta cũng đủ tưởng tượng ra được phần tinh thần của cái văn minh ấy là thế nào.

Xét ra những vật kiến trúc của tổ quốc chúng ta mà sở dĩ bị hay kiếp vận tang thương như thế là có hai có : Một là nước ta nhiều cuộc lửa binh bởi ngoài xâm hoặc nội biến, mỗi khi vận đời thay đổi, bởi lòng thù ghét mà tàn phá không tiếc tay. Hai là vật liệu kiến trúc của nước ta vì sẵn gỗ tốt nên lấy gỗ làm thứ trọng yếu. Song thân gỗ có hạn, không làm được vĩ đại, chất gỗ không bền, không chịu được lâu. Tuy tốt như gỗ lim, mà cọt đĩnh khoát hơn thước, cũng chỉ trong trăm năm thì trong ruột tiêu rỗng hết như cái ống tre. Cho nên nếu không tiếp có cuộc trùng tu thì cái công huyết hần của người xưa không còn ngần tích gì để lại nữa. Nhưng trùng tu thì thế thế và sảo tử của cổ nhân cũng sai lạc

đi nhiều. Cái khuyết bậm chung cho những kiến trúc vật của nước ta từ xưa ở hai cơ đó. Đủ làm chứng cho hai cơ đó, chúng ta nên qua thăm di tích chùa Quỳnh.

Chùa Quỳnh ở xã Hà Lôi, huyện Đông triều, Hải-dương. Chùa làm trên cánh cao nguyên, bắc đông gần ngàn núi Yên tử, xa xa cùng ứng đối với ba cảnh Ngoạ-vân, Hồ-thiên và Yên-tử trên ngàn núi ấy. Chùa sáng tạo từ lâu, đến đời nhà Lý nhà Trần là thời kỳ toàn thịnh nhưng những di tích đời Lý đời Trần chỉ còn truyền ở tấm bia mờ mà thôi, mà những di tích còn lại đến nay thì lại hoặc cái về Hậu Lê, cái mới bây giờ. Muốn nhận cho biết những lớp tang thương kế tiếp ở chùa Quỳnh. nên phân ra ba đoạn.

Đoạn 1. — Xét về di tích chùa Quỳnh ở đời Lý Trần. Đời Lý, trong Thiệu gia có bốn cái hoẵng công gọi là An nam tứ khí, tức là : Tháp Báo thiên, vạc Minh-dĩnh, chuông Quy điễn, tượng Quỳnh-lâm. Tượng Quỳnh-lâm là pho tượng đứng ở chùa Quỳnh, cứ trong lòng cái bia cổ cao lớn ở ngoài vườn cửa chùa có chép kích thước và bề cao cái diện che pho tượng ấy thì chùa Quỳnh dễ tưởng đến nay, không phải là vô cơ. Cái bia đá cao đến 8, 9 thước, sung quanh chạm long ở rất khéo mà đứng giữa giờ bị nắng mưa rêu rãi nay nét chạm cũng bị tiêu mòn khó nhận như nét chữ trong bia. Song so lời bia với lời tục truyền phù hợp thì đứng ở bên đó Triều mé nam huyện Đông triều cách chùa Quỳnh ước 10 dặm mà còn trông thấy cái nóc diện che sát đầu pho tượng ấy, thì biết tượng ấy to hơn tượng Chấn-vũ nhiều. Người bản hạt nói trong nội tự cổ thời rộng 30 mẫu. Nay còn mấy viên tảng đá cổ, khoát đến 5 thước, trù vành ngoài trạm cành hoa sen ra cũng còn đến non 3 thước khoát, vậy biết cột to lắm. Nay người ta xây tường chùa lên trên tảng ấy, còn thè lè ra hai bên. Đến đời Trần chùa Quỳnh càng thịnh. Sử chép Trương-hán-Siêu làm Giám tự chùa Quỳnh. Trương-tiên-Sinh là một vị Nho-

thần danh vọng mới được nhận chức Giám-tự chùa Quỳnh thì biết chức ấy bây giờ trọng yếu là thế nào.

Lại ngoài trước vườn chùa có 3 bức xích đồng đá trạm 2 con rồng bò đề đặt ở hai đầu bệ do sân đi lên bệ chùa, phần đuôi xích đồng rộng và cao hơn 6 thước, vậy biết nền chùa đã cao mà thế thế chùa sáng khả lắm.

Đoạn 2. — Xét về di tích chùa Quỳnh ở đời Hậu Lê. Qua Trần sang Lê, chùa Quỳnh bị một hồi giặc Minh tàn phá và hoang phế. Sau chúa Trịnh là Trịnh Tùng mới trùng tu lại. Năm 1910, tôi vào thăm chùa Quỳnh còn được trông thấy nhiều dấu cũ của cuộc trùng tu ấy. Cột thượng điện trùng tu này độ trong 2 thước khoát, không thắm vào đâu với cái gương tảng đá cở còn sót lại. Có tượng công đức của chúa Trịnh tùng thờ ở tiền đường. Sau là nhà tổ, nhà tổ thờ 3 tượng Chúc-lâm Tam-lô, trước nhà tổ có cái gác gỗ 9 gian to và cao, 3 gian giữa nóc cao hơn mà gác thông với hai đầu mỗi bên 3 gian, bên treo chuông, bên treo khánh. Quả chuông treo ở gác đầu mé bắc. Chuông khá to thông thủy ước 2 thước, có cái trầy treo thỉnh khi đánh thì lao trầy vào, người vùng đấy nói đó cũng là chuông đúc sau, còn chuông cở thì bị « giặc Vạn » phá đúc đồ binh. Khánh thì bằng đá, hơn 5 thước ngang, nhưng vì gác đầu mé nam đồ nên khánh hạ xuống để ở cửa nhà tổ. Năm sau tôi vào thăm thì nhà chùa khênh khánh ấy xuống nhà ngang để đập lúa. Nội tự lầu này thì thu nhỏ lại vừa cho nhà chùa ở còn ngoài bỏ hoang. Ngoài chỗ bỏ hoang còn vài bức tường gạch của nhà cung quán cở sót lại. Những nét chạm đắp ở tường đơn giản mà có vẻ mỹ thuật một cách mạnh mẽ lắm. Tường cao và nét triện nổi cũng giống với tường ở gác chuông nhà tổ. Vậy thì di tích của chúa Trịnh đến bấy giờ cũng bị đồ nát đi mất nhiều rồi.

Đoạn 3. — Xét về di tích chùa Quỳnh bây giờ. Cách ước mười lăm năm nay, sự cụ Giám tự chùa Quỳnh

đứng lên khuyến hóa đề tu bỏ, gặp mùa rét, bọn thợ mộc đốt lửa sưởi đêm lửa bốc thiêu gần hết cái gác nhà thờ, và trên chùa. Tuy sau có chắp vá lại nhưng khác với dấu cũ năm 1910 về trước. Lúc ấy sư Cụ lại dựng thêm được một cái cổng tam quan có gác là vật kiến trúc mới.

Ấy ba thời kỳ thay đổi di tích của chùa Quỳnh đại khái là thế. Tuy ngày nay chùa Quỳnh đang vùi trong cái cảnh sắc hoang lương tiêu tụy, nhưng một hòn bia cao, hai con rồng đá và vài bức tường đồ cũng đủ chứng cho người đời sau nhận thấy cái hình ảnh văn minh Lý Trần. Vật kiến trúc có quan hệ cho cuộc văn minh là thế. Vậy thì ta chớ nên bắt chước những nhà triết học phái gàn, động nói là giở đến ngay cái luận điệu trọng tinh thần khinh hình thức.

Xét như trên ấy thì ngôi chùa mới của hội Bắc-kỳ Phật-giáo sắp dựng tại Hanoi nay mai, trừ mười vạn bạc, tưởng cũng chưa lấy gì làm to tát cho lắm.

Một ngôi chùa làm cơ quan cho cả một hội toàn xứ tăng-ni thiện tín lui tới họp mặt hành đạo, trong sùng đáng cho quốc dân chiêm ngưỡng, ngoài sùng đáng cho ngoại quốc quan chiêm, ở đấy đó thành nghĩa năm vạn vật, mà mười vạn bạc đối với thời giá với các vật công công kiến trúc ngày nay, đã có gì là hoẵng công như chùa Quỳnh ở đời trước.

Chùa Quỳnh nay đã thuộc trường Bắc-cổ Viễn-đông quản giữ Tôi mong trường Bắc-cổ nên làm cái nhà bia mà bảo tồn. lấy cái bia có ghi hình thể chùa và pho tượng đồng ngày xưa, kéo gió mưa làm mòn hết nét chữ Bia ấy còn thì chùa Quỳnh Lý Trần còn, xin các Ngài lưu ý.

D. N. T.

Còn nhiều gánh nặng !

Đức Như-lai có răn bảo các vị xuất gia rằng : Hết thấy người Thiện-nam và kẻ thiện nữ này ! Các người đã xuất

gia, đã bỏ hết những vật dục ở thế gian, đáng lẽ được giải thoát không còn bận bịu chi, thế mà vẫn không bỏ hết những gánh nặng đi được là sao vậy ?

— Các đệ-tử đáp : Cứ như chúng con tự xét trong mình chúng con thì không còn gì là gánh nặng cả.

— Phật nói : Nay các ngươi, đã là đệ tử Phật mà còn có cái ngã-kiến, nhân-kiến, chúng sinh kiến, thọ-giả-kiến. (nghĩa là còn thấy có mình, có người, có chúng sinh, có sống lâu), ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Chuyên cần người dâng cúng, chứa của để làm giàu, cho là của mình có, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Cùng bạn học với nhau mà không hòa, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Đê mê tội dầy, lại tự cao tự đại, ngạo mạn ngông nghênh, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Cây mình khôn ngoan, khinh người ngu dốt, coi thường cả mọi người, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Tự mình ngang bướng, không chịu nghe lời trung cáo, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Ăn uống không có thời hạn, lại ham mê rượu thịt cùng các mùi cao lương mỹ vị, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Pê ngoài coi bệ như người tu đạo mà trong thật là con ngựa bất kham, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Chẳng giữ sáu tình, phá giới phạm tội, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Giả danh đi khuyến giáo để sửa sang chùa chiền, lại làm sang trọng lấy chỗ mình ngồi, nằm, ăn, ở, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Trong lòng chẳng sửa, chỉ chuyên lễ bái cầu nguyện lấy phúc cho mình, lấy phúc cho người, ấy là gánh nặng của các ngươi đó. Phạm vào bốn tội nặng (sát, đạo, dâm, vọng) làm nhơ cửa pháp, ấy là gánh nặng của các ngươi đó. Bạ nhà nào nghỉ ở nhà ấy, không về chùa nghỉ, mê mãi suốt năm, không nghỉ gì đến sự tu hành thoát khổ là cần, ấy là cái gánh nặng của các ngươi đó. Bao nhiêu là gánh nặng ấy mà nay các ngươi không mau mau bỏ đi, tất sau phải vào địa ngục.

Sa-môn Trí-Hải dịch thuật

PHẬT-HỌC VÂN-ĐÁP

(tiếp theo)

Hỏi : Linh-tính và linh-hồn của người ta và vật thể nào ?
— Linh-tính là tính sáng láng tự nhiên, có nhiều tên : Phật-tính « 佛性 », Như-lai-lạng « 如來藏 », tâm-nát-bản « 心涅槃 », tâm-chân-như « 心眞如 », chân-tinh « 眞一 ».
Linh-tính tự-dầu-mà-có ? — Sách-nho-nói : Khổ-nguyên-dương « 元陽 » của-toàn-thể-vũ-trụ-tách-ra-mà-phân-phù-cho-muôn-vật : trong-tinh-anh-lại-tinh-anh-hơn-là-thánh-hiền, tinh-anh-thông-thường-là-người, trong-tinh-anh-có-cặn-bã-là-người-ngu-trọc, còn-cặn-bã-nhiều-thì-là-loài-vật. Phải-Bá-la-môn-bên-Ấn-độ-gọi-chất-ấy-là-Panama. Trong-kinh-Phật-thì-có-những-tên-kê-trên, mà-dùng-nhiều-hơn-là-hai-chữ « Phật-tính », có-câu : « Nhất-thiết-chúng-sinh-giải-hữu-Phật-tính — 一切眾生皆有佛性 », nghĩa-là-tự-con-sâu-con-bọ, đến-loài-súc-sinh, cho-đến-loài-người, cùng-thần-thánh, đều-có-Phật-tính-cả. Phật-tính-càng-sáng-láng-thì-càng-tiến-lên-bậc-cao, trái-lại-càng-mờ-ám-thì-càng-lùi-lại. Ví-dụ-như-loài-người-lùi-lại-súc-sinh, súc-sinh-lùi-lại-sâu-bọ v. v. .

Muốn-cho-Phật-tính-càng-sáng-láng, thì-phải-tri-giới, là-răn-cấm-các-điều-ác, thì-lòng-mới-định, lòng-có-định-thì-trí-tuệ-mới-mở-mang. Ba-chữ « giới, định, tuệ, 戒定慧 » là-những-điều-cốt-yếu-trong-sự-tu-đạo.

Linh-hồn-là-cái-thần-hồn-của-người-và-vật, có-nhiều-tên : Thức-thần (識神), thức-tâm (識心), thần-ngã (神我), và-có-khi-chỉ-dùng-một-chữ-là « Thức-識 ».

Linh-tính-ví-như-nước, linh-hồn-ví-như-sóng, sóng-bởi-gió-lay-động-mặt-nước-mà-sinh-ra, nếu-sóng-hết-thì-mặt-nước-lại-yên-lặng-như-cũ. Linh-hồn-cũng-vậy, bởi-cái-linh-tính-bị-mờ-ám, mới-sinh-ra-hành-động, mà-tạo-nghiệp-thiện-hay-lạ-nghiệp-ác, khi-lâm-chung-thì-cái-nghiệp-ấy-kết-tập-trong-tâm, để-làm-cái-nguyên-nhân-tái-sinh, gọi-là-linh-hồn. Nếu-kiếp-sau-biết-tu-hành-làm-lành, thì-linh-tính-sáng-suốt-như-cũ, không-có-sự-mờ-ám-và-tạo-nghiệp-nữa, được

ra ngoài cõi thế gian, không còn luân hồi **chuyển kiếp**, không có linh hồn, chỉ còn nguyên có Phật tính mà thôi, tức là thành Phật.

Như thế thì linh hồn cũng bởi linh tính mà sinh ra, cũng có tính sáng láng, duy có sự mờ ám, cho nên không được thành tĩnh như bản tính vậy, cũng ví như sóng bởi nước sinh ra, cũng có tính âm thấp như nước, duy không được bình tĩnh như nước mà thôi. Nước mà bình tĩnh thì các loài vật soi vào rõ ràng, nếu có sóng thì không được rõ ràng như cũ : Linh tính mà thành tĩnh thì sự vật thế gian, hiểu thấu rõ ràng, nếu đã mờ ám thì sự rõ ràng ấy thì phải kém đi, càng lồi xướng thì thành ra ngu-si, cũng như loài vật vậy.

Trong kinh nói : « Minh tâm kiến tính 明心見性 » nghĩa là tu hành cho cái tâm sáng ra, mới thấy rõ cái linh tính. Tâm là nói về Thức tâm, tức là linh hồn, phải tránh ác làm lành, cho cái linh hồn sáng láng thì mới hoàn lại được cái chân tính vậy.

Hỏi Nguyên lý của vũ trụ và nhân sinh thế nào ? — Có 4 kiếp chung là : A. Thành (成) là thành lập. B. Trụ (住) là đứng vững. C. Hoại (壞) là phá hoại. D. Không (空) là hư không. Vũ trụ và nhân sinh đều không ngoài 4 cái kiếp chung ấy. Ví dụ như cây cỏ mới mọc mầm là thành, sinh trưởng là trụ, mục vĩ là hoại và tan nát hết là không. Lớn đến thế giới, nhỏ đến cái bụi nhỏ, đều theo cái luật ấy cả. Phạm vật không trông thấy thì cho là không, nhưng có phải là vật tan mà không còn có gì nữa đâu, bởi vì vật gì cũng có cái đặc tính (持性) là cái tính riêng của nó, thì không bao giờ mất, không phải là mất không trông thấy mà cho là không được. Ví dụ đặc tính của nước là ướt, đặc tính của lửa là nóng. Dù nước cạn, lửa tắt, nhưng cái đặc tính vẫn còn, cho nên 2 cái cây khô, có thấy lửa đâu, mà xát vào nhau thì nóng mà sinh lửa. Nước trong không khí có trông thấy đâu, hễ gặp vật lạnh thì đóng lại thành âm thấp.

Trong cái thời kỳ sau khi « không » lại bắt đầu « thành » phải có cái đặc tính là cái « nhân 因 », còn lại và nhờ các cái « duyên 緣 » khác giúp đỡ thì mới thành lập được. Ví dụ như cây cỏ, đã có cái nhân trong hạt giống, lại nhờ có đất, nước, không khí và ánh sáng là những cái trợ duyên (助緣) thì mới nảy mầm thành cây được. Muốn vật đều như thế, mà nếu bảo người chết là hết, không còn có gì nữa, thì có phải là vô lý hay không? Người cũng là một vật trong vũ trụ, có mà không, không rồi lại có, quay như vòng tròn, tức là cái nghĩa luân hồi vậy. Sau khi đã chết, thức thần còn lại, nhờ có tinh huyết của cha mẹ, trong tinh huyết có 4 chất: đất (地) nước (水) lửa (火) và gió (風), gọi là tứ đại (四大) lại kết thai mà tái sinh, cũng tức là cái lẽ chung đã nói ở trên.

Vũ trụ và muôn vật đều bởi nhân duyên mà thành lập, thành lập, chứ không phải một vị Thiên thần sáng tạo, duy có cái nhân tốt lại gặp những cái duyên tốt, thì thành những vật tốt, trái lại nhân duyên không tốt, thành những vật xấu. Người biết tránh ác theo lành, thì thức thần sáng láng tức là cái nhân tốt, lại nhờ chủng loại quý báu, tức là cái duyên tốt vậy. Không nên hiểu lầm: chết là hết, mà nói can đảm, không sợ hãi gì, cũng không tin lầm là có thiên thần sáng tạo, không chịu làm lành, chỉ chăm lễ bái để cầu phúc. Phải biết rõ cái nguyên lý của vũ trụ và nhân sinh là thế, và làm lành là sự quan thiết của nhân sinh là thế, thì mới tránh khỏi những sự thác ngộ (錯誤) và mê tín (迷信) vậy. (còn nữa)

Phượng-sơn: Nguyễn-thiện Chính.

VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THỂ-HỆ (liếp theo)

Đời thứ 12 — Thường - triêu 常照 Thiên-sư
(còn bị khuyết lục mất sáu vị nữa)

Thường-triêu Thiên-sư, trụ trì ở chùa Lục-tổ làng Dịch-bảng, phủ Thiệu-đức. Người vốn họ Phạm ở làng

Phù ninh. Người đã làm quan ở triều vua Lý Cao tông lĩnh chức Đô tào trong Quảng-từ-cung. Sau Người bỏ quan xuất-gia đi tu, được thân chịu giáo hóa của Quảng-nghiêm Thiên-sư ở chùa Tịnh-quả. Ở hầu hạ thầy vài năm rồi Người đến ở chùa Ông-mạc nơi cổ-tự đề tuyên dương giáo-ngĩa. Sau Thiên-sư sang chùa Lục-lô, môn-dồ càng thêm đông. Có một vị tăng hỏi Người rằng :

Thế nào là bản ngã với ngoại vật phan-duyên nhau ?
Người đáp :

— Đã quen củ vật với ngã. Nghĩa là tính của tâm vốn vô-thường, sinh ra liền bị diệt đi, một sát-na cũng không ngừng lại, thì còn phan-duyên vào đâu. Vả sinh là vật nó tự sinh, diệt là vật nó tự diệt, chứ bản-tâm của pháp có hề sinh diệt bao giờ-

Vị tăng ấy lại hỏi :

— Coa đây cửa thiền, xin Thầy dạy thêm.

Thiền-sư đáp :

— Thế nào là pháp thân ở hết thấy mọi nơi ?
— Liễu được tâm mà tu đạo thì đỡ công mà chóng thành, không liễu được tâm mà tu đạo thì tổn công mà vô-ích.

Vị tăng hỏi :

Thiền-sư đáp :

— Như nói một lỗ chân lông bao khắp cõi pháp giới. Hết thấy bao nhiêu lỗ chân lông khác đều như thế cả. Phải biết không một tí chỗ tâm không nào là không có Phật thân. Là vì sao ? Vì pháp-thân ứng-hóa, thành bạc chiu-b-đông chính giác, không đâu không hiểu thấu. Cho nên phải xét thế mới biết là Như-lai lấy cái sức tâm tự tại là sức vô khởi vô chuyển 無起無轉 để mà chuyển pháp-luân. Vì Đức Như-lai biết hết thấy mọi pháp thường vô khởi nên ngài chuyển pháp luân mà thuyết về cái nghĩa « đoạn vô đoạn ». Vì Ngài biết hết thấy mọi pháp đều lia sự

biên kiến 邊見 nên Ngài chuyển pháp luân mà thuyết cái nghĩa ly-tế phi-tế 離非非非. Vì Ngài biết hết thấy mọi pháp là hư không cả nên Ngài chuyển pháp luân mà thuyết cái nghĩa vô ngôn thuyết. Vì Ngài biết hết thấy mọi pháp đều không có thể thuyết ra được nên Ngài chuyển pháp luân mà thuyết cái nghĩa cứu cánh tịch diệt. Vì Ngài biết hết thấy mọi pháp đều có nát bản tính 性, nên Ngài dạy những nghĩa vô tướng tính 無相性, vô tận tính 一盡性, vô sinh, vô diệt tính 一生無滅性 vô ngã tính vô phi ngã tính 無我性無非我 (không có tính tư ngã mà không phải là chẳng có tính công ngã) vô chúng sinh tính vô phi chúng sinh tính 一眾生性無非眾生 (không có tính mê của chúng sinh mà không phải chẳng có tính sinh hoạt như chúng sinh), vô Bồ tát tính 一菩薩性, vô pháp giới tính 一法界, vô hư không tính cũng lại không có cả thành đẳng chính giác tính 成等正覺性

Nói xong Thiền-sư bèn đọc bài kệ rằng :

在世爲人身,
 Tại thể vi nhân thân,
 心爲如來藏.
 Tâm vi Như lai tạng.
 照曜且無方
 Triếu diệu thả vô phương,
 尋之更絕曠.
 Tìm chi cánh tuyệt khoáng.

Dịch :

Thân ta ở trên đời,
 Tâm là tạng Như-lai.
 Không đâu không soi thấu,
 Mà đâu vết tuyệt vời.

Năm Thiên gia Bjo-huy thứ hai nhà Lý. tháng 9 ngày 21, Thường-triều Thiên-sư phát bệnh tâm-lhống, hội môn-dồ lại đọc cho bài kệ rằng :

道本無顏色,

Đạo bản vô nhan sắc,

新鮮日日許.

Tân tiên nhật nhật khoa.

大千沙世界,

Đại thiên sa thế-giới,

何處不爲家.

Hà xứ bất vi gia.

Dịch :

Đạo vốn không nhan-sắc,

Ngày càng mới mẻ thêm.

Ở đâu là nhà đấy,

Khắp thế-giới ba nghìn.

Đọc xong Người ngồi phu già mà hóa. Đệ-tử là bọng ông Thừa-nghi làm lễ hỏa đàn rồi bật xá-ly Người xây tháp. Thường-triều Thiên-sư có làm quyển Nam-tông tự pháp đồ 南宗嗣法圖 được lưu-bành ở đời.

(Còn nữa)

Đ. N. T.

LỤC-TỔ ĐẠI-SƯ

SỰ TÍCH SƠ LƯỢC KÝ

Lục tổ đại sư tên Huệ năng, cha ngài họ Lư, húy là Hành thao, bị giáng chức quan đất Tân châu được đời Đường, niên hiệu Võ đức, năm thứ ba, tháng chín, mẹ ngài là Lý thị, bữa kia năm chiêm bao thấy trước sản

muôn đóa bạch, hoa tranh nở, đôi chim bạch hạc đua bay, mùi thơm lại phượng bắt đầy nhà, khi thừe đậy mới biết là điềm lành mà thọ thai từ đó.

Bà bèn tắm gội linh khiết, thành tâm trai giới, chịu thai nghén đến sáu năm, mới sanh đại sư; chánh là đời Đại đưong, năm Mậu tuất niên hiệu Trinh quân thứ mười hai, tháng hai, ngày mồng tám, giờ tỵ.

Khi sanh ngài ra hào quang sáng rực giữa trời mùi thơm bát ngát, vừa hừng sáng có hai vị thánh tăng đến ra mắt bèn tỏ lời với thân phụ của đại sư mà rằng : « con ông mới sanh bữa hôm, nên đặt tên trên chữ Huệ, dưới chữ Năng ».

Lư đại nhân mới hỏi rằng : vì sao để tên là Huệ năng ?

Hai vị tăng đáp rằng : Huệ là lấy ơn pháp mà tế độ chúng sanh, còn năng là làm nên việc Phật, nói rồi kiêu lui chẳng biết đi nơi nào :

Đại sư không bú sữa mẹ, mỗi đêm đều có thần nưon cho uống nước cam lộ mà thôi.

Khi ngài được ba tuổi thì cha ngài từ trần, táng nơi bên vườn.

Bà Lý thị thủ tiết nuôi con, lần hồi đại sư lớn lên đi bán củi đổi gạo mà nuôi mẹ, đến hai mươi bốn tuổi nghe kinh liền xiết tóc, bèn tìm đến chùa Huỳnh mai đánh lễ ra mắt ngũ tổ, ngũ tổ khen là người có đạo khí, pho truyền y pháp khiên nối ngôi Tổ sư.

Thưở ấy nhằm niên hiệu Long sóc là năm tân dậu, từ đó ngài quay về phương nam lánh ẩn, đến niên hiệu nghi phong năm Bính tỵ tháng giêng ngày mồng tám gặp thầy pháp sư ấn tông, gạn hỏi các lễ mầu nhiệm ; thầy ấn tông tỏ hội đưoc ý chỉ của đại sư, cũng trong tháng giêng ngày rằm, khắp nhóm tứ chúng, xuống tóc cho đại sư.

Sang tháng hai ngày mùng tám ; nhóm cả các vị danh đức thọ cụ túc 250 giới.

Khi ấy Đất Tây kinh thầy tri quang luật sư làm giới sư.

Đất lô châu thầy huệ lệnh luật sư làm yết ma.

Đất kinh châu thầy thông ứng luật sư làm giáo thọ.

Xứ trung thiên thầy kỳ đa la luật sư làm thuyết giải ;

Nước tây quốc thầy mật đa tam tạng làm chứng giới.

Giới đàn này đợc từ triều nhà lống, ông cầu ba bạc đà la tam tạng sáng lập ; có dựng bia khắc chữ rằng : « sau đây có vị nhục thân bồ tát thọ giới về chỗ này ».

Còn đời Lương hiệu thiên giám năm đầu, có ngài trí được tam tạng từ nước tây trước cõi bể qua biển có đem một cây bồ đề bên nước ấy sang qua nước lầu rồng bên cạnh giới đàn này ; cũng có ghi lời tiêu tri rằng : « sau đây một trăm bảy mươi năm, có vị bồ tát xác phàm ngồi dưới gốc cây này mà diễn thuyết pháp thượng thừa ; độ chúng sanh nhiều lắm ; thật là một vị pháp bảo tâm ấn của Phật. »

Đến đây đại sư xuống tóc thụ giới rồi ; liền cùng trong hàng tứ chúng mở bày ý nhiệm đơn truyền, đều y như lời hai bài sấm trước (tra từ đời lương thiên giám ; năm nhâm ngũ cho đến đời đường nghi phụng năm bình ty ; kể đặng một trăm bảy mươi năm năm.

Qua năm sau mùa xuân, đại sư từ giả tứ chúng mà về chùa bửu lâm. thì sư ấn tông cùng kẻ tri bạch là kẻ tăng, người thế, đưa đi trót hơn ngàn người, thẳng đến tào Khê.

Thuở ấy đất kinh châu thầy thông ứng luật sư cùng bọn môn đệ, cả vài trăm người đều nương theo với đại sư, đại sư đến tào Khê vào chùa bửu lâm xem lại bề thế

chặt hẹp, chẳng đủ dung nạp tăng chúng; nên muốn thêm rộng ra bên đến ra mặt người chủ đất trong làng đó tên là trần á tiên mà rằng: hôm nay lão tăng đến nhà thi chủ xin một chỗ đất để vừa đủ cái tọa cụ đựng chăng?

Á tiên bạch rằng: tọa cụ của hòa thượng rộng ước ao nhiều?

Tổ sư đưa tọa cụ ra coi thi Á-tiên vưng chịu liền.

Tổ bèn lấy tọa cụ trải ra trùm cả bốn cõi tào Khê, lại có bốn vị thiên vương hiện thân ra ngồi trên bốn phương (đến nay tại cảnh chùa có núi thiên vương là là nhơn đây mà gọi tiên vậy).

— Á-tiên lại bạch rằng: mới biết hòa thượng pháp lực rộng lớn, nhưng vì phần mộ ông bà của tôi đều nằm trong đất ấy, vậy ngày sau có tạo tháp cầu xin chừa lại các ngôi mộ đó; còn bao nhiêu, tình nguyện cúng hết, đời đời làm nơi bửu phương;

— Nhưng chỗ đất này vẫn là chỗ sanh long bạch tượng đều đến kết mạch, chỉ nên bình thiên, không nên bình địa, sau khi chùa này sửa sang, đều y như lời hứa trước.

Một hôm lễ đạo chơi trong cảnh ấy; gặp chỗ nào non nước tốt đẹp thì ngài liền dừng chơn nghỉ khê; mấy chỗ đó bèn thành ra chỗ lan nhã; cộng là mười ba chỗ; nay gọi là hoa quả viên, ghi sổ đều thuộc của chùa.

Còn chùa Bửu lâm cũ ấy, nguyên đời trước cũng ông Trí được Tam-tạng bèn tây quốc; từ Nam-hải sang qua cửa tào Khê, múc nước mà uống; mùi thơm ngon lạ thường, bèn gọi kẻ đồ đệ mà rằng: « khí vị nước này sánh lại với nước bên tây thiên chẳng khác chút nào, trên vòng khe này chắc có địa mạch rất tốt; nên làm một cánh lang nhã, bèn theo dòng nước tìm đến nguồn, xem thấy bốn mặt, non nước doanh xuôi, núi cao xinh đẹp, bèn khen rằng: cảnh này mường tượng như hóm núi Bửu lâm bên tây thiên vậy?

Lại gọi kẻ cư dân trong làng tào-hầu mà rằng : núi này nên dựng một cảnh chùa, về sau một trăm bảy mươi năm đây sẽ có một vị vô thượng pháp hữu diễn hóa nơi chùa này, kẻ đắc đạo nhiều như rừng, nên đặt hiệu chùa là Bửu-lâm.

Thuở ấy có quan mục triều châu là hầu kinh Trưng lý; cả mấy lời tiên tri đó, dựng biểu tâu vua nghe. vua y theo lời thỉnh cầu nên sắc tứ biển ngạch là bửu lâm, bái dựng lên cung điện Phật là đầu bết, kẻ từ đời lương, niên hiệu thiên giám, năm thứ ba.

Trước đền chùa có một sở đầm, rộng bằng khi lặt mọt trong đó, rừng động cả rừng cây ; một bữa nọ, hiệu bình lâu rất lớn ; sóng nổi sôi trào ; mây mù tối mịt, các đồ chúng đều sợ hãi ; tổ nạt rằng : mây chỉ biết hiện ra hình lớn, chớ chẳng biết hiện lại hình nhỏ, nếu là con thần long, thì hay biến hóa, nhỏ hiện ra lớn, lớn hiện lại nhỏ vậy ; tổ nói rồi thì rồng thoát vây lặn xuống giây phút, hiện lại nhỏ rồi nhảy khỏi mặt đầm ; tổ đỡ bình bát thứ đó mà rằng : mây đầu đám chui vào bình bát của lão tăng này ? nói vừa dứt lời, rồng hơn bốn hơi đến trước mặt tổ, tổ lấy bình bát hứng rồng, rồng chẳng vùng vẫy dặng, tổ bưng bình bát về chùa, thuyết pháp cho rồng nghe, rồng liền cõi xát mà thảng mất, bộ xương dài cỡ bảy tấc, đầu, đuôi, sừng cẳng đủ cả ; còn lưu truyền lại trong chùa Sau tổ hiển lấy đất, đá lấp cái đầm ấy, cái đầm ấy tức là ngày nay trước mặt điện về phía bên tả chỗ có cái tháp bằng sắt đề trần đó ; bộ cốt rồng đó tới niên hiệu Chí chánh năm Kỷ mao chùa mắc phải lúc binh hỏa nên thất lạc không biết về nơi nào.

Tổ có một viên đá trị yêu ; chạm làm chữ : « Long só : nguyên niên, Lư cư sĩ chí » đá ấy trước đã đề tại viện Đông thiên chùa Hoàng mai, đến đời Minh, niên hiệu Gia-định, có người hoạn quan ở Việt trung tới Hoàng mai thỉnh đem về Tào-khê, nay hầu còn.

Lại đời Đường, quan hữu thừa là Vương Duy, vì thấy thần hội đại sư làm bài ký của tổ sư rằng : đại sư chung lộn với bọn lao lữ, đúng mười sáu năm sau gặp sư Ấn-tông mà giảng kinh, nhân vì đó mới xuống tóc cho ngài.

Còn quan thứ sử là Liễu tông - Nguyên làm bài tặng thị hiệu cho tổ sư chạm vào bia rằng : tổ vàng chịu tin, rồi lánh mình ở ẩn trên mé Nam-hải, trọn mười sáu năm, độ lúc nên ra hành đạo, bèn về ở Tào-khê làm thầy người mà truyền pháp Phật.

Lại có quan thừa tướng là Trương thương Anh, làm bài ký Ngũ-tổ rằng : Ngũ-tổ diễn dạy tại viện Đông thiên thuộc về huyện Hoàng mai, vì muốn tiện bề phụng dưỡng mẹ già ; nên niên hiệu Long sóc năm đầu, dùng y pháp truyền phó cho Lục tổ rồi, liền tấn đồ chúng vào núi đông sơn cất am ; có kẻ cư dân tên là Phùng Mậu hiểu núi ấy lại cho Ngũ tổ làm nơi đạo tràng ?

Theo đây xét ra thời sư đến Hoàng mai truyền thọ y pháp của Ngũ tổ : thiết là niên hiệu Long sóc năm Tân dậu cho đến niên hiệu Nghi phụng năm Bình tý thì vừa đúng mười sáu năm, tổ mới nói đến chùa pháp tách xuống tóc ; hoặc có bản khác lại nói là tổ trong năm niên hiệu Hàm hành mới đến chùa Hoàng-mai, e không nhầm ? ? ?

Minh đăng : Lê đình Hoa

THƠ PHÚ LỤC - ĐỘ

(tiếp theo và hết)

2 THƠ TRÌ - GIỚI

Nặng tâm lòng thương lũ chúng sinh,

Mau mau trì giới phải đĩnh ninh.

Tam qui chớ có sai lòng tin,

Thập thiện đừng nên trái sự lành.

Cái gốc ba đề vun chẳng dờ,

Bạc thang tám riều bước càng thênh.

Chúng sinh hỡi hỡi lên đàn giới !

Phật chẳng xa đâu, Phật ở mình.

PHÚ TRÌ - GIỚI

Quan 4 văn « kiệt-ái-dục-lưu »

Nặng tiếng pháp lời ; thề lòng minh-nguyệt. phẩm giới
nỗn cao ; lực trì phải kiệt. Thành phòng ý cao trường
kín công, luật pháp thâm nghiêm ; gái thủ thân giữ ngọc
gìn vàng, nữ; na cao khiết. Đường giặc mở-mang từ đây
ấy sợi kim thẳng ; bển mê giải thoát vì đâu, này bề bề
phiệt.

Muốn cho rẽ lạnh, nở-nang mềm-mại ; giới là cái gỗ,
phải vun phải tưới. Muốn cho pháp lạnh, lờn lao rộng
rãi ; giới là cái thang, phải bắc vững chãi. Phải tránh
minh những hổ hỏa-khanh ; phải xa gót những vùng chướng
hải Gớm nổi suối tham lai-láng, giới khách lợi-danh,
ghê thay lửa dục nồng nàn, hun người ân-ái. Cho nên tu
hành, tất phải trì giới.

Những giới phải trì, kể ra nhiều nục, Ngũ giới là đầu,
giới về dâm-dục ; là cơn ba đào ; đắm người có lúc, là
đường hiểm nguy, nhâm ngờ có khúc. Giới về sát sinh,
lợn gà chim chó ; nó cũng tham sinh, đừng có cướp bóc
Giới về uống rượu, rượu là thuốc độc ; hại tính ôn hòa,
mất tính bản nhục. Giới về vọng ngôn, khiêu khích
châm chọc ; đơm đặt giới gian, chủi rửa riếc móc;
càng tay câu nói, cho hay lưỡi giết không dao ; dọi máu
một nhời, mới bết miệng châm có nọc. Hai trăm rưởi
uy nghi đầy đủ khi nằm, khi ngồi, khi hành trụ thụ
trì xiết kể sức siêng năng ; tám vạn tư tế hạnh giữ gìn
hệnh tham, bệnh giận, bệnh ngu si đối trị biết bao công
khó nhọc. Trước đã tam qui tứ nhiếp, tới trước Phật đã
Đầu còn lục đạo tam-đồ, biết đâu địa-ngục.

Nếu không trì giới, là kẻ dong-lưu, Bất nghĩa lấy
của, vô cớ sát ngu. Ngày nay ta ăn nó, ngày sau rõ
nó ăn ta, khổ giới thoát ly nan miễn ; kiếp này nó
vỗ ta, kiếp trước bởi ta vỗ nó, oan-giã cổ kết bất-lưu
Đã mang điếu chè rượu say sưa, lên sao tới vườn kẻ
núi thừ, má mang tiếng giăng hoa bọm bãi, khổ

đầu tay mặt ngựa đầu trâu. Ấy chúng sinh là chư Phật sắp thành, kết quả bởi giống cây giới-phẩm; kia Phật tính khắp chúng sinh đều có, nguyên nhân từ gieo hạt giới châu.

◀ 3 THƠ TINH - TIẾN

Thế giới mong chi thoát lửa nùng,
 Quân bao tâm huyết ! quân bao công !
 Nhẹ thân hỉ xả cùng mưa nắng,
 Nặng dạ thề nguyện với núi sông.
 Tắt bề đầu đời tay Đại-thí,
 Di non nào nân chi Ngu công.
 Con đường bất thoái xa là mấy !
 Chỉ hỏi lòng ta có tiến không ?

PHÚ TINH - TIẾN

Quan 3 văn « chi-cánh-thành »

Ngoài cửa tử sinh ; trong buồng ý-chí. Nhân định thăng thiên ; chí nhất động khí. Núi cũng tung phen di được, bèn dạ Ngu-công ; bề còn có thể tắt voi, vững tay Đại thí. Gan dạ hơn là sắt đá, đá còn mòn gan dạ không mòn ; thì giờ gấp mấy bạc vàng, vàng chẳng quý thì giờ mới quý. Tiến có chữ « tiến-ngô-vãng-dã » đường tu trì có tiến không lui ; tinh có câu « tinh-ích cầu-kỳ », công ma trác càng tinh mới kỹ. Ấy cho nên đức Bồ-tát Thường tinh tiến đó, sở dĩ phải xưng danh ; mà ngô địa vị bất thoái chuyển kia, mới thực là ngô lý, đó vậy.

Kia nước kia vui, kia đất kia tịab. Này thành phiền ai chẳng muốn xa ; này cõi đực ai không muốn trách. Học bề, học cho đến bề, xa chẳng từ Sở địa Ngô-thiên ; đắp non đắp cổ nên non. lên cho tới Linh sơn Thứu Lĩnh. Nhưng mà nhắc sự tụng-tri, trở lòng tu lĩnh ; tay làm thì oai, lại ọ thì xính. Trống một đã năm, trống năm chưa đầy, dầy lẫn mai lửa thờ ơ ; tháng năm cũng ư, tháng tư cũng là, tháng trọn ngày qua

lơ-đếnh. Luống nhữg vẫy chàì phơi lưới, chí-khí ươn
lười; mong sao mài sắt nên kim, công phu cứu cánh
Vẫy nên tiến thủ cho mau, tu tiến cho mạnh, cho tinh-
lực hiên-gang, cho tinh tâm đững mãnh. Giốc bầu
máu bà-tâm vũng vĩnb, vớt chúng sinh lên cả bàn tay;
thẳng con đường châu lý đuồi xa xãm, giốn vũ-tru
vào trong một gánh. Tính mệnh hy-sinh chẳng liếc,
giấn mình vào tử ra sinh; tinh thần hùng hổ càng
thêm, quyết chí chuyên bảm nhập thánh.

Thế thì cầu đạo đắc đạo, Phật-đạo xương-minh; cầu
Phật thành Phật, Phật quả viên thành. Ấy chữ « đức »
theo liền chữ « tiến », mà nghiệp cần do ở nghiệp tịnh.
Gan anh hùng phá phũ trăm-chu chi nhường vạn giáp;
tay lực sĩ Khai sơn phá-thạch, chẳng kém ngũ-
đinh. Thiệt căn ở lại lòng ta, bồi thực đã nên rừng
công-đức; phúc quả cũng thành thân Phật, luân hồi
không sa kiếp súc sinh.

4. THƠ NHẪN - NHỤC

*Tiền hết nhân-gian nãi oán-thù,
Mới hay rằng nhữn có công phu.
Lửa thêm dầu ruột nòng khôn giáp,
Gió thoảng ngoài tai mát tợ ru.
Đành vậy chịu lui mà chịu thiệt,
Tha hổ chê nhất lại chê ngu.
Trong đời kham-nhữn lòng nãng nhữn,
Nhữn nhục mà vinh, khéo khéo tu !*

PHŨ NHẪN - NHỤC

Quan 3 vắn « nhữn-vi-bảo »

Hơn thiệt trăm đường; được thua đời trận. Muốn
nổi bất bình, một lòng nãng-nhữn. Kiếp trần là kiếp
nhục, tuồng tử-sinh diễn đủ lẩn trò đời; chữ « nhữn »
là chữ vàng, nước bát đức tưới lau lò lửa phẫn.
Sự cười bẻng mười sự giận, tội chí mà bảm-bụi thờ
than; câu nhĩa được chĩa câu lành, hơi đầu vợi hung
hăng sảm-bảm.

Nhẫn-nhục là gì ? Nhẫn là nhịn đi ; nhục mà hay nhẫn không phải là si ; nhẫn mà chịu nhục, không phải là ty. Mẹ cha thờ phượng, Phật pháp qui y ; một lòng chịu khổ, không chút sai vạy. Ác thanh vô lễ, họanh nghịch bất nghi ; một bề chịu thiệt, không có tranh thi . Ấy là sự nhẫn, sự sở ưng vạy. Gió mưa bất trắc, nóng lạnh bất kỳ, cho đến giá, ốm, nhất thiết hoan hi ; Gặp cơn ưu phiền, gặp lúc sầu bi, cho đến tình ái, nhất thiết thoát ly ; Ấy là pháp nhẫn, lý sở tất nghi. Trơ như đá vững như đồng, nặng cũng mặc, đánh đấm cũng mặc ; nặng như chì nhẹ như bấc, giận ai chi, thù oán ai chi. Bên cầu Lão phủ bầu nhẫn, Trưong-nhự-tử không hề hân hủi ; giữa chợ thiêu nien bặng nhặng, Hàn-vương-Tôn chẳng chút suy bì. Ròng kia gặp phải khúc lươn, cũng đành quặn quại ; vò nọ lo nuôi con nhện, chỉ quản bù chi.

Thế mới hay, nhẫn để trị tâm, là thuốc thần hiệu ; nhẫn để bảo thân, là cửa gia bảo. Đàn sẻ phỏn phơ ra to, thấy đám mây quang ; bầy chim nhao nhác về rừng, bởi luồng gió bão. Họ Công nghệ cũng vì nhường nhịn, cho nên cứu thế đồng cư ; thần Thế tôn chịu để sả chia, mới được nhất sinh đắc đạo. Nếu không thì, tất nổi lòng sân ; hủn sinh tính bạo. Chim kêu không dừng súng bắn, lòng từ bị mất cả lành hiền ; lửa cháy lại đổ dầu thêm, tai thanh tịnh thành ra huyền nào. Giời tạnh dấy cơn sấm sét, đá tan cây nát toi bời ; đất băng nổi lớp phong ba, thuyền ghé buồm xiêu diên đảo. Ví biết rằng sân là khổ, cõi tu khôn khỏi kiếp luân hồi ; chi bằng giữ nhẫn mà tu, đường bát nhả dễ thoát vòng khổ não.

5. THƠ THUYỀN - ĐỊNH

Mặt bể trần lao sóng giập-giờn,
 Con thuyền chính-định lặng dòm con.
 Bốn bề diên-đảo lay không chuyễn,
 Một dạ chân-như vững chẳng sờn.
 Mảnh chiếu bồ-đoàn giăng sáng vặc,
 Tấm gương phù-tọa cỏ non rờn.

*Nghĩa xưa bảo được loài long độc,
Cái chức an-thuyền chức ấy hơn.*

PHÚ THUYỀN ĐỊNH

Quan đễ-lự 2 văn « thuyền - định »

Mưa tan khuấy tục; giăng tổ rưng thuyền. Tắc lòng tự tại; một bọc hồn nhiên. Thuyền là ngồi chằm chằm tựa thuyền, xếp chân lại để tiêu tan bách lự; định là niệm chằm chằm nhập định, giữ lòng kia cho phóng hạ vạn duyên. Nước đứng đứng im, sóng ngũ đục chẳng nhấp nhò làn tỉnh hải; gương trong trong suốt, bụi lục trần không vơ vẩn quăng tâm thiên. Thân bản không từ đại là thân, giữa sạch vết như bát cầu; dạ bất quải nhất ty lâm dạ, cõi tan mối quẩn thập triều. Hồn từ mã lần quất não đầu, dấm gũa tới cõi; vĩa lục tặc đục ngang chí đó, cũng tránh xa miền Khấu lai Công uống. Cờ bãi bình, vì trì trong lâm cơ mà được; Tạ-an-Thạch, cờ phá địch, có kiểu tình trần vật mới yên. Đã lòng muôi tam ma, trong đã có chủ; dù có lục căn lục thụ, ngoài cũng vô quyền. Định chân như giữ áo ly trần, kẻ mình Cổ Phật; lầu giải thoát nhẹ giầy xuất thế, the gót Kim tiên.

Ngán cho đời! vào cửa tử sinh; lẫn đường bát chính. Bề đục dấm tâm; lửa tham đốt lính. Tiếng kệ đồng tây rung óc, lòng vượn còn ngờ; hồi chuông triệu mộ gọi hồn, giấc hồ chưa tỉnh. Dạ vọng tưởng lồng như ngựa chạy, cực nổi huyền hoa; lòng cấu tâm đục tựa nước sa, bao giờ thanh tịnh. Tán như thể loạn dương như thể, tám mươi tám sử thiên miên; thuyền là đầu định nữa là đầu, nhị thập bát thiên đủng đỉnh. Giờ muốn chuyển mê khỏi ngộ, Phật quả viên thành; kịp nên thực lự tỉnh tư, thuyền tâm chính định.

6. THƠ TRÍ - TUỆ

*Lục nỗ si mê bước đã chồn,
Hồi đầu quay lại mới là khôn.
Đèn thuyền sáng việc tam-thiên-giới,
Đuốc pháp soi cùng bát vạn-môn.*

*Chiếu kính đại-viên mà điềm nhân,
Bắc cầu vô thượng đề chiếu hồn.
Tu gì hơn được đường tu-tuệ,
Tuệ-túc kia là Phật Thế-tôn.*

PHÚ TRÍ - TUỆ

Quan 7 vẫn « Tri-tuệ do bản-tâm nhi-sinh »

Phá cái thành chắc bền, grom không sắc không có thể tang hoang cao lũy ; Đi con đường lối tằm, duốc không sáng không thể duỗi dong thiên lý. Đường hắc ám ấy là đường lối, gì không nhờ duốc tam minh ; thành não phiến kia thực thành bền. vậy phải mượn grom từ trí. Nhân quang cho rộng, mới hay bắt diệt bất sinh ; Não chất đưng nông, phải biết vô chung vô thủy.

Bởi vì, dưới cõi trần hoàn ; trong đời trọc thế, sinh tử đổi thay ; sớm hôm chia gẽ. Như bóng chớp lập lờ, như hạt sương thô thế ; như chiêm bao thấp thoáng ra gì ; như bọt nước pháp phồng sá kè. Gió giá tằm thân từ đại, ảo chất thực hư ; xoay vần quả kiếp tam-sinh, nghiệp duyên nặng nhẹ. Mối ngũ uẩn quằn quanh quẩn, sắc, thụ, hành, tưởng, thức, triển miên ; bụi lục trần vương vãn vãn vương, thanh, sắc, xú, vị, hương, chướng tế. Đắm đuối dòng tham suốt đục, mê dễ thành sông ; xót xa núi lửa cây grom, khỗ khôn lấp bề. Biết được lòng gởi, thì hẳn một đời chẳng khó, khôn thoát luân hồi ; có biết nhẽ vật, mới biết điều thật mà tin, phải nhờ trí tuệ.

Trí-tuệ mà tu, khởi si khởi ngu ; Ma ha bát nhã, là trí tuệ to. Một là thực trí, biết lý viên chu, bản thể vũ trụ, không có hồ đồ ; Hai là quyền trí, biết sự tán thù, hiện tướng vũ trụ, không có mơ hồ. Mọi điều thiện, ác, chính, tà, thấu cùng nguyên ủy ; bốn đức lạc, thường, ngã, tịnh, tỏ hết căn do. Liễu tri hai chữ chân như. mười hai mối nhân duyên chẳng vương ; khám phá đôi đường sinh tử, trăm tám điều phiến não không lo.

Hướng chi, vào cửa tam không, ra vòng bát nạn ; trí kiến phải viên, tuệ tâm cho mãn. Muốn được thân ly tam-

giới, lão, bệnh, tử, sinh; cốt sao bung đủ lực thông, thân, tâm, nhĩ, nhãn. Nếu mà trí cũng có chùng, tuệ còn hữu hạn; thì tinh tiến khó lòng mà tự nhiên; thuyên định khó lòng mà bất loạn. Dù có bà tâm bố thí, không khỏi ăn năn; dẫu cho giới hạnh thụ trì, cũng hay chán nản. Mới biết trí tuệ là vô thượng, thông nhiếp cả năm đường đại thặng, thực là linh tiếp bội phần; cho hay trí tuệ mà hạnh thâm, độ thoát cho nhất thiết chúng sinh, không phải trầm luân quá hoạn, cho nên kinh Phật dạy người, đều đình đình ninh ninh, khấn khấn khoản khoản, mà nhất thị giai dĩ trí tuệ vi bản, đó vậy.

Ngán thay ! những người mê muội, trong dạ hôn trầm. Đành chịu tiếng ngu phu ngu phụ; không ham đường tuệ-linh tuệ-tâm. Kiến địa hẹp hòi, chỉ chăm lấy hiện tiền danh lợi; nhãn-quang ngắn-ngủi, nào biết đâu quá khách quang âm. Ông danh hạt bụi ra gì, bôn tâu đồng tấy mét mã; phú quý giấc mơ lã mấy, vẩn lẩn sớm lổi âm-thâm. Mồ tử sinh dù gõ bên tai, lại ngủ trọc đặc lý không thấu; đèn họa phúc dẫu khêu trước mắt, mắt từ ma ám tịt khôn nhấm. Khôn như mác, dại như lư, sự khôn dại dại khôn đã khác; vụng thì chìm khéo thì nổi, kiếp nổi chìm chìm nổi không nhấm.

Lại phải cùng suy, trí tuệ ai bì. Thông minh hữu hạn, trí tuệ vô kỳ. Thông minh do ngoại cảnh xúc vào, có sinh diệt thì còn có đại; trí tuệ tự nội tâm chiếu thấy, không ngăn che mới thực không sí. Vậy Thế-tôn phúc tuệ gồm tu, phúc tức lại thêm tuệ tức; kia Khổng-tử tri hành tịch tiểu, an nhi mà cũng sinh nhi.

Ái ôi ! trong đạo tu hành, phải biết cho ràng. Trong bụng nếu không liễu giải; ngoại tâm đâu có quang minh. Bệnh ngu si nhiều nổi đặng cay, ác căn thâm trọng; thuốc trí tuệ làm phương khai đạo, diệu lẽ thần linh. Khôn thì nên tu tiểu mau đi, cho trọn đạo vẫn tư tam tuệ; nhẽ nào chẳng thoát ly hẳn được, ra ngoài vòng thấp hóa tử sinh.

Cư sĩ: Lê-như-Tiếp

GIẢNG KINH THẬP-THIỆN

(tiếp theo)

Đó thực là một điều mà hết thầy các giống người trong cõi đời này đều mong cầu cho chóng được cả. Cụ Tuệ-viên pháp-sư nói: Nếu ai làm được mười điều thiện ấy, rồi truyền cho một nhà, dần đến một làng, cho đến cả nước, thì lập tức biến thành một nhà nước phong tục thuần mỹ, chính trị thăng bình ngay. Đó thực là một điều luật nhất-định, bất luận ở đời nào, muốn mong được cái cõi đời yên vui, tất phải noi con đường bằng phẳng ấy mà thực hành đi. Phật nói trong bốn châu lớn, có người ở châu Bắc-câu-lư, được hưởng cái phúc sướng tự tại, tức là phần kết quả làm mười điều thiện. Lại nói rằng: Vua Chuyển-luân thánh-vương ra đời, bốn bề thanh bình, thiên hạ yên vui, ai ai cũng chăm làm mười điều thiện, đủ chứng rõ cái lý ấy là đúng lắm vậy.

3. Thập thiện nghiệp là cái căn bản Niết-bán bồ-đề

Cái quả Niết-bán bồ-đề của ba thừa, y theo hai phép chuyển (1) mà hai phép chuyển đều lấy mười điều thiện làm căn bản. Vì làm mười điều thiện có thể ngăn cấm được những sự làm ác. Khi đã đối trị được hết thầy những sự ác đến cùng cực rồi, tức là giải thoát được hết cái khổ sinh tử, chứng đặng quả Niết-bán lớn. Ai đã trừ sạch được hết nghiệp quả thập ác, cái công đức thập thiện đã phát đạt đến chỗ viên mãn,

(1) Chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển sinh-tử thành Niết-bán.

rồi lại đem mười điều thiện ấy làm lợi khắp cả chúng sinh trong thế gian, tức là thành được cái quả bồ-đề lớn ấy cũng là cái luật nhất định. Chưa có một người nào không làm cho mười điều thiện được viên mãn mà chứng được cái quả trong tam-thừa bao giờ.

II. — ĐÚNG BỆNH CHO THUỐC

Khi Phật còn thuyết pháp ở đời, đều lựa đúng với căn cơ của chúng sinh mà nói cả. Bây giờ tôi dâng kính Thập-thiện này, cũng là đúng bệnh cho thuốc, mong sao cứu vớt được những sự khổ não ở trên cõi đời này, vì muốn truyền những sự khổ não ấy ra sung sướng yên lành, trừ phi làm mười điều thiện không được, vậy cũng chia làm ba đoạn dâng rõ như sau này :

1. Đối-trị cái thói chỉ-vụ bề ngoài quên mất cả mình mà tu lấy mình

Cõi đời ngày nay đều đang ở trong cái cảnh bất hòa, lại thêm thiên tai giũ giội, tật dịch thủy hỏa, phần nhiều phải chịu trong vòng cực khổ. Phương pháp cứu vớt, chỉ cốt nhất một sự thiệt hành vàng làm mười điều thiện đừng có oán trời trách người, đừng có chạy vạy ở bề ngoài nên biết trách nhiệm nó chỉ ở cả trong một mình đó thôi, không thể đổ cái trách nhiệm ấy cho hoàn cảnh; hoặc đổ cho người khác, hoặc oán chế độ của xã-hội không tốt, hoặc trách điều-kiện vật chất không đủ, không tự trách mình, - cứ trông ở ngoài được. Giả sử trên cõi đời này,

ai cũng như thế cả, thì cả cõi đời không
 có một người nào chịu trách nhiệm mất rồi,
 giá khiến có ai chịu khó gánh lấy cái trách
 nhiệm ấy mà mình lại không bằng lòng để cho
 người ta gánh, thì những bệnh như thế, thực
 không có phép gì mà cứu chữa được nữa. Lại
 có một hạng, không cầu người, không cầu vật,
 mà chỉ cầu Phật cầu trời, cầu thần cầu thánh,
 không hiểu rõ cái ý nghĩa chân chính của Phật
 là chỉ có một điều rằng « ai nấy đều phải hiểu
 rõ cái lý nhân quả để tự xét lại mình » mà
 thôi. Xem như lúc Phật còn ở đời, em Phật
 là ngài Át-nan, chỉ vì tin rằng Phật sẽ yêu ta,
 cho ta phép chính-định, mà không tu tập, sau
 bị nạn với cô Ma-đăng-giá, xuýt nữa phá giới.
 Trong hàng đệ tử Phật, ngài Át-nan là bậc
 học rộng nhất, còn không hoàn toàn cậy Phật
 được, thì đủ biết cái trách nhiệm của Phật
 pháp là chỉ hoàn toàn cậy ở mình thôi, nếu
 mình bỏ mất nơi mình đi, mà chỉ chăm về một
 mặt cầu thần cầu vật, toan gây dựng lại được
 cõi đời này, quyết rằng không thể nào được.
 Nếu hay đem mười điều ác của mình mà
 đổi ra mười điều thiện, rồi hãy cầu Phật,
 thì mới có hiệu được. Ngày xưa đức Không
 tử ốm, thầy Tử-lộ xin cúng. Ngài nói: « Tôi cúng
 đã lâu rồi » đủ biết cứ theo về mặt cầu thần
 cầu vật, ở bề ngoài thực là vô dụng, chỉ cốt
 rằng tu thân cho chính, rồi khuyến hóa người
 vàng làm mười điều thiện, thì mới có thể vấn
 hồi nhân tâm thế đạo được.

2. Đối trị cái thói khoe khoang láo mà trọng sự thực hành

Hiện nay người ta, phần nhiều trong tâm ý thì hay khoe khoang, tự đắc lạ lùng mà lý-luận viết ra, câu nào cũng tự cho là hơn cả thánh hiền, mà xét đến chỗ hành vi thực tế, thì không những không hơn được thánh hiền mà nói ngay đến những sự thường nề thường cũng không làm nổi! Cái bệnh ngồng láo khoe khoang ấy, đã thành một cái bệnh phổ thông của người bây giờ, cho nên trong xã-hội không còn có mấy phép là phép tốt lành nữa. Cái điệu ngồng láo kia càng xướng càng lên cao, sự thực hành càng ngày càng kém, thế thực nguy hiểm đến muôn phần. Tới sự thực mà xét thì đủ biết rằng, dùng người ý khi kiêu rông nói năng khoác lác mà không trọng sự thực hành để trị đời, thì càng trị lại càng loạn, cũng như đầu đội hòn đá nghìn cân mà làm trò múa, thì kết quả khó tránh được cái nguy hiểm đá vỡ chết người vậy. Không những một phép trị đời như thế, mà sự học Phật cũng thế. Tỉ như hiện nay có một số người tu Thiền tu Mật rõ rại kia, nói ra thì gớm ghiếc, chẳng kiêng nể gì, tự cho mình như là Phật là Bồ-tát, miệng thì nói cái gì cũng là không mà sự làm thì chẳng cái gì chẳng là có, ăn cắp lời Phật, nhận là lời mình, rút cục chẳng hiểu một chân-lý gì cả. Muốn trị sạch cái bệnh rõ rại ấy, cốt nhất phải vâng làm mười điều thiện, trái lại thì nghề nghiệp giỏi đến đâu, học vấn rộng đến đâu nữa, cũng là cái nhân đọa ba đường giữ cả, không thành Bồ-tát-hạnh được.

(Còn nữa)

TÂY - VỰC KÝ

(tiếp theo)

Sau khi dâng song, ngài lại quay về phía Bắc, lần tìm các bậc tiền-đức. Khi đến Tương-châu, vào yết kiến ngài Hưu Pháp-sư, chất vấn các điều nghi ngại; lại đến Triệu châu, yết kiến ngài Thâm Pháp-sư, học thành-thực-luận; vào kinh Tràng-an, ở chùa Đại-giác, yết kiến cụ Nhạc-pháp-sư, học câu-xá-luận, mỗi bộ học có một lượt đã hiểu rõ đại ý, qua mắt đã như tạc vào lòng, dù đến các bậc tuổi cao học lâu cũng không hơn được. Nhưng kể đến phần hiểu tới chỗ sâu sa, siêng phát chỗ ầu vi, mọi người không tới, mà một mình ngộ tới chỗ u-áo, tại lại có nhiều chỗ hơn người lắm lắm. Khi đó ở kinh Tràng-an có hai vị đại đức là Tạng Pháp-sư và Biện Pháp-sư, học thông cả hai thừa, tu hành thấu hiểu ba môn học (giới, định, tuệ), là bậc nhất trong kinh thành, hằng tục đều quy y, đạo đức kinh động cả Thiên-châu, tiếng khen đồn dậy trong bốn bể, quây kinh gánh sách, theo học như mây. Tuy học khắp các kinh mà chuyên dăng về Nhiếp-đại-thừa luận, Pháp-sư đến nghe, cũng chỉ một lần là lược được hết. Hai vị đại đức đều tấm tắc khen hoài và bảo rằng :

« Thầy thực là một con ngựa Thiên-lý ở trong cửa Phật, sau này làm cho bóng mặt trời trí tuệ lại sáng ra, chắc là nhờ tay thầy, tiếc rằng chúng tôi già nua tuổi tác, e không kịp trông thấy nữa ».

Từ đó học đồ lớn trọng, tiếng khen đồn rày cả kinh kì.

II. NHÂN DUYÊN TÂY-DU

(Từ Trung-quốc đến Cao-sương)

Pháp-sư đã đi yết kiến khắp cả các đại đức, được nghe đủ cả các lý thuyết, xét đến chân lý, vẫn là thiên về từng lông, nghiệm trong thánh điển cũng còn có chỗ mờ chỗ tỏ không biết theo ai, mới thề ng-yên Tây-du, để bồi cho hết chỗ ngờ và tìm cho được bộ Thập-thất-địa-luận để giải quyết hết các điều ngờ cho mọi

người. bộ ấy tức là bộ Du-già bây giờ vậy. Ngài lại nói rằng: « Như cụ Pháp hiên, cụ Trí nghiêm xưa kia, cũng là một nhà học-giả trong nhất thời mà đều đi cầu pháp, làm lợi cho quần sinh, có lẽ nào lại để cho cái dấu vết cao quý kia không ai theo kịp, cái sự nghiệp thanh thú kia không ai giám làm nữa ư? Ai là bậc đại trượng-phu thì phải nối giõi lấy cái sự nghiệp ấy mới là... »

Liền đó kết bạn, dâng biểu chần tình xin đi, Triều-dinh không cho, mọi người đều thoái chí, duy có Pháp-sư không hề chán nản, đắp toan một mình lặn lội lấy con đường sang Tây giao hiểm và mọi sự khổ não. Ở nhân gian làm cái trạng thi nghiệm. Có điều phục được hết những sự đó, rồi mới nhập đạo được. Nguyên trước khi Pháp sư mới ra đời, bà mẹ đã nằm mộng thấy Pháp-sư mặc áo trắng đi về phía tây. Bà mẹ nói: « con là con của mẹ, bây giờ định đi đâu? » ngài đáp: « con vì cầu pháp, cho nên phải đi. » Đó tức là cái điềm báo trước Pháp-sư Tây-du vậy.

Tháng tám năm Trinh-quán thứ ba, sắp sửa lên đường, mới lên chùa lễ Phật cầu cho điềm lành, đi về bình an chớ chầy. Đêm hôm ấy mộng thấy trong cái bể lớn có một tòa núi Tô-mê-lư toàn bằng báu vật báu, cực kì chạng nghiêm rực rỡ. ý muốn lên núi mà sóng gió giữ giòi, không có thuyền bè nào cả, ngài vẫn không sợ. nhất quyết sóng vào, hốt nhiên thấy bông hoa sen ở chân đầm ra, nổi trên mặt sóng cất chân bước qua cái nào thì cái hoa ấy biến mất, thoàng đã đi đến dưới chân núi. núi cao mà dốc không thể leo lên được, mới rướn mình nhảy lên, thì có một chận gió lốc xoáy đến, bốc ngay lên đỉnh núi, đứng nhìn bốn phía, rộng rãi bao la, không còn có cái gì mắc lấp nữa, mừng quá rồi tỉnh giấc. Ngày mai cất bước lên đường ngay, năm đó ngài vừa 26 tuổi.

Bấy giờ có một vị sư ở Tần-châu tên là Kiến-đạt vào kinh học kinh Niết-bán. học hết trở về, mới cùng ngài

cùng đánh bạo đi. Đến Tần châu ngủ đờ một đêm : gặp bạn Lan-châu lại tới lan-châu ngủ một đêm : gặp người Lương châu buôn ngựa về, lại theo đi đến Lương-châu nghỉ lại hơn một tháng. Ngày ngày lằng tục mời dâng Niết-bản, Nhiếp luận và kinh Bát nhã, Pháp-sư đều hết lòng chỉ bảo dằng dụ kĩ càng. Lương châu là một chốn đô hội Hà tây, các nhà buôn bán các nước Tây phần Thông thạch, đi lại không lúc nào ngơi. Những ngày khai dâng, có nhiều người dự, cúng dâng các vật quý báu, tán thán công đức ngài, khi về lại nói với vua quan trong nước rằng : « Sắp có một vị thánh lừng ở bên Đại đường đi sang nước Bà-la-môn cầu pháp ». Vì thế các nước Tây vực, đều sẵn lòng hoan hỉ chờ đón rước ngài. Đến ngày tán hội kiểm các vật đã cúng dâng đồ quý của báu, tiền bạc lưà ngựa vô số. Pháp sư nhận lấy, chia một nửa để cúng hương đăng, một nửa tán thí các chùa !

Bấy giờ nhà nước mới yên, chính trị đổi mới, bờ cõi còn hẹp, nên cấm cả trăm họ, không được đi sang các nước Phần. Khi ấy Lý Đại-Lượng làm Đô-đốc Lương-châu, vàng sắc nghiêm cấm, canh phòng rất ngặt, có người báo cho ông Lượng biết rằng : « có một vị sư ở kinh Tràng-an lại, muốn đi sang các nước Tây, không biết vì tình ý gì ». Ông Lượng sợ, cho đòi hỏi nguyên do. Pháp sư nói : « Ý định sang Tây để cầu Phật pháp. » ông Lượng bắt ép phải trở lại, may nhờ có một vị là Tuệ-uy Pháp-sư, là một bậc Lãnh tu ở Hà tây, trí tuệ siêu việt hơn đời, nghe pháp sư dâng kinh, lời lẽ rành rẽ, đã có ý trọng, lại thấy pháp sư có chí cầu pháp, lại càng kính phục lắm, mới ngầm sai hai em, một người tên là Tuệ-lâm, một người tên là Đạo-chính, đưa Pháp sư lén chốn về Tây. Từ đó không dám công đức nhà ngoài, cứ ngày thì ẩn một chỗ kín, tối mới ra đi, đường đến Qua châu, quan thứ sử ở đó là Độc-oá-đạt, nghe Pháp-sư đến, lấy làm mừng rỡ lắm đón rước thiết đãi, rất là ân cần.

Pháp sư hỏi thăm đến đường lối sang Tây, có người thuộc đường báo cho hay rằng : « Từ đây đi về phía bắc chừng năm mươi dặm, có con sông Biều-lư, khúc dưới rộng, khúc trên hẹp, sóng gió rất dữ, sâu không lội qua được, trên có một cửa ô là Ngọc-môn-quan là một nơi yết hầu cõi Tây, ai đi cũng phải qua đó. Về phía tây bắc ngoài cửa ô, lại có năm cái đồn, trên có lính canh, mỗi cái đồn cách xa nhau độ trăm dặm, trong đó không có một sợi cỏ một giọt nước nào cả. Ngoài năm cái đồn ấy, tức là bề cát Mạc-hạ-duyên thuộc nước Y-ngô » Pháp sư nghe nói buồn bã, con ngựa vẫn cuời lại chết mất rồi, không biết tình sao.

Lần nữa hơn một tháng, trong khi chưa đi, quân do thám lại đến báo rằng : « Có một nhà sư tên là Huyền-trưởng muốn sang Tây-phồn. Các châu huyện sở tại phải canh phòng tra soát cho nghiêm mật và bắt cho kì được ». Quan Tri-châu ở đấy tên là Lý-sương nguyên là một người sùng tín Phật pháp, nghe Pháp sư là Huyền-trang, mới đưa tờ điệp cho Pháp sư xem và sẽ hỏi rằng : « Có phải Huyền-trang chính là Pháp sư không ? » Pháp sư ngần ngại chưa kịp đáp. Quan châu lại nói : « Xin Pháp sư cứ nói thực, nếu quả phải, đệ tử xin mưu giúp ». Pháp sư mới nói rõ mọi sự. Quan Châu lấy làm thán cảm lâu và nói : « Pháp sư thực được như thế tôi xin vì Pháp sư mà hủy tờ điệp này đi ». Nói đoạn liền sé tan tờ điệp ở trước mặt Pháp sư và nói rằng : « Pháp sư nên sớm sớm đi đừng ở đây nữa, ộ phong thanh »

Ngài nghe lại càng thêm lo buồn, hai chú tiểu theo hầu, thì Đạc-chính đã sai tới Đôn-hoàng trước, chỉ còn Đạo-lâm ở lại, ngài biết chú không thể đi bộ xa được, cũng cho về nốt. Ngài lại được một con ngựa khác, lại khổ không có ai đưa đường, mới lên trước tượng đức Di-lặc ở nơi chùa ngài trú mà kêu cầu, xin cho một người chỉ dẫn ra khỏi cửa ô.

(Còn nữa)

AI TẠO NGHIỆP

(tiểu thuyết nạn nước lụt)

Thương ôi, thương ôi, cái nạn nước lụt năm Đinh Sửu (1937) ở đông-bắc Bắc-kỳ này, thực là một trang thảm sử của toàn nhân-dân xứ ấy. Nó để cho nhân-dân trong xứ, ngoài xã-hội, trong gia-đình, bao nỗi thương tâm. Nhân dân xứ này bấy nay còn làm gì mà đáng gọi là có của cải. Chẳng qua còn chút lợi về lòng đất của ông cha để lại, với cái nơi nhà gianh vách đất cỏ hủ nghìn xưa. cùng nhau bới bãi mà ăn-núp cho qua cái đời lảm than đã quên. Thì đến nay cái nạn nước lụt này nó lại đến vợ vệt cho sạch sành sành mà đưa ra cái hố tham lam vô-đề ngoài Đông Hải. Cái nạn nước lụt năm Đinh Sửu này nó còn tàn hại gấp mấy mươi các cái nạn nước lụt về những năm trước đây. Năm nay đẻ vỡ nhiều, thể nước to tràn ra rộng, mười mấy phủ huyện nước ngập mênh mông, các làng chỉ còn thoi thóp từng đám tre xanh như những đám bèo nổi trôi trên mặt bể. Nào những nổi nhà trôi của mất, đôi rét ngồi trên mặt nước trong khi đang lụt, nào những cánh nhà cửa tan-hoang lênh lênh lam lũ, giắt nhau xin chân, sau khi nước ra. Thương ôi, cơ cực, nhục nhã, điều đứng, thảm khốc biết bao!

Song những túp nạn dân di xin chân ấy không phải chỉ những nhà lao-nông vô-sản, những nhà tiểu nông, mà có cả nhà đại điền chủ nữa kia đấy. Người ta nói một nhà ông Bá ở vùng Phụng - nhỡ, nhà cấy hơn trăm mẫu, trước khi lụt còn trữ được non nghìn thúng thóc. Đến khi lụt nước soáy trôi đi hết, vợ chồng con cái nhà ông chỉ chạy được người không lên núi đôi quả cũng phải cho con cái đi lượm châu để cứu cấp. Coi đó thì biết với cái nạn nước lụt ác hại gồm ghê năm nay, không những kẻ khổ rách áo ôm

mới khổ sở, mà đến những người tiền dư thóc mục cũng không tránh khỏi cái họa cơ hàn. Cho mới biết quần chúng có giải-thoát thì mình mới giải thoát được. Bằng quần-chúng mà còn bị khốn khổ về phương-diện nào thì một thân một nhà ai cũng không tài nào giải thoát về phương diện ấy được.

Nói đến đây tất có người hỏi tôi rằng : « Cái nạn nước lụt, từ giờ đem đến, muốn vì quần - chúng thì làm thế nào được ? » Tôi xin thưa : « Xứ nóng thì nhiều mưa, nhiều mưa nên mùa màng mới tốt. Nhưng không đủ đường cho nước thoát thì hay bị lụt. Lẽ tất nhiên như thế. Nếu những người có thể-lực, có trí thức trong toàn xứ Bắc - kỳ mà biết nghĩ rộng lo xa về cái nạn nước lụt của toàn xứ này, sau đây còn kịch liệt hơn trước, thì phải đem công đem của, kết làm đoàn thể mà cầu thầy cầu thợ, tìm phương tìm kế, làm cho vớt-viển hết cái nạn nước lụt ấy đi. Thì làm sao mà không được. Nhưng khốn nỗi những nhà thế lực kia, may năm nào hạt mình không lụt thì họ lại mừng sẽ bán được thóc cao, bằng cũng bị lụt thì sau khi nước ra, họ sẽ lại vượt đất cho chỗ ở nhà mình cao lên hơn mực nước mới lụt. Tưởng làm thế là thiên-niên vạn đại không lo gì cái vạ nước lụt nữa. Có biết đâu rằng, nước không đủ chỗ thoát thì năm nay vùng này, sang năm vùng khác, mưa ít mực nước thấp, mưa nhiều mực nước cao. Một khúc đê hư bị vỡ thì mấy trăm ki-lô mét đê bỏ đi. Một năm lụt thì nước mắt bờ hỏi mấy chục năm mất cả. Giàu nghèo chung một số phận, tính mệnh tài sản của toàn xứ chỉ như cái trứng để đầu đũa mà thôi. Thế nhưng vì lòng tư - kỷ quá nặng lụt năm nay xong rồi cũng lại như bao nhiêu lần lụt trước, rồi những nhà giàu, nhà có thế lực trong xứ, họ lại dùng đến cái kế vượt đất cho chỗ nhà

ở cao lên hơn nữa là cùng. Cái kẻ chỉ lo giải-thoát cho một mình mà không nghĩ gì đến quần-chúng ấy có thành được bao giờ đâu. Thi đây tôi xin thuật lại một câu chuyện thăm-hại trong hồi nước lụt vùng bắc năm nay để làm cái gương quần chúng có quan hệ với tư kỷ :

Trong một làng kia, cái làng cũng chung một số phận với mấy trăm nghìn làng khác lênh đênh như một đám bè trong cái bể nước lụt mênh mông ở vùng bắc. Một đêm canh đã khuya, giờ ối như mực. Làng có mấy chục nóc nhà thì đến ba phần tư bị nước ngập ngang vách, ngoài những tiếng gió heo may ào ào trên các ngọn tre như tiếng ma than quỷ khóc, những tiếng rần đuổi bắt ngóc chạy lồm bồm trong nhà, những tiếng chuột đói cắn nhau chi chi trên nóc. hùa với những tiếng khóc khàn khàn của những đứa hài-nhi khát sữa vì mẹ chúng bụng đói vú reo, những tiếng ho khò khò hết hơi, những tiếng rên-râm của mấy ông già bà lão bộp bung cầm hơi ngủ không được, ngồi co-ro trên đường hoặc trên sân lụt trong các nhà, cũng dập dàng thông-thả đưa ra thay cho những tiếng chó cắn gà kêu mà cầm canh cho cái đêm của một thôn dân khổ quá tạch mạch. Vì bao nhiêu gà chó các nhà từ độ lụt đến hơn một tháng nay, hoặc họ mổ thịt ăn thay cơm, hoặc bán đi nơi khác mà mua lương-thực, cho nên một cái đêm trường ở một làng nhà què như thế mà không hề có lấy một tiếng gà gáy chó sủa nào. Nếu sớm nào có việc gì động rúng bấy giờ cũng không có chó cắn để báo cho sớm khác. Mà có ai còn thức cũng không có tiếng gà gáy nào để báo cho biết thời khắc sớm muộn là bao. Lại xuất làng từ trập ối, tuyệt không nhà nào có lấy ngọn đèn dầu hỏa. Lúc ấy nếu không nhờ được ngọn đèn măng-sông trăm bu-gi ở trên gác nhà cụ Nghị thóc giữa làng chiếu qua cửa kính soi ra, cùng những tia sáng đèn bin ở trên gác ấy thỉnh thoảng

roi lia khắp xóm để đình kẻ trộm, trói lợi như tia đèn pha trên ngọn cột đèn Hòn Ráo, Vinh Đờ-son, triều ra bề, là những thứ ánh sáng đời yấn minh ấy, khai quang cho thi cả làng thực là một địa-nguyệt lôi om của những con ngã quý dù già trẻ gái trai đang bị thần đói hành hạ trong các túp lều tranh, chứ còn đáng gọi là một cái làng của người dương thế đang sinh-tồn thế nào được nữa. Vậy thì làng mà còn có người giàu, cũng là sự hay cho làng lắm !

Đêm hôm ấy, cái đêm u-ám lạnh-lùng, cái đêm thoi-thóp hấp hối của những nhà ngậm nước trong làng nó cũng như ba bốn chục đêm từ khi đê vỡ nước tràn đến nay, nó vẫn giữ được một trạng-thái âm-thầm áo nã, thế thâm ghê người, thâu đêm xuất sáng. Thi bỗng tiếng dàu vang động giới đất sé toang cái màn không khí im-lim bắc-âm mà đưa ra khắp làng, xóm trên xóm dưới :

« Cướp ! Cướp ! Cướp ! Ổi làng nước ôi ! Cướp nó phá nhà tôi ! Ổi làng nước ôi ! Cướp nó ! »

Trước nghe còn là tiếng một người kêu, kể đến hai rồi đến ba bốn người kêu. Trước còn là tiếng người lớn rồi đến cả những tiếng đàn bà trẻ con, kêu thất thanh liễu lít. Mà là tiếng kêu ở trên chỗ cao thì mới vang đi được xa và rõ mồn một như thế. Cái tiếng gớm ghê dữ dội biết bao, khiến cho mấy trăm con ma đói trẻ già ở trong các xóm phải quên cả đói rét mà mang lấy cái kinh sợ mất cả hồn vía, kể nào còn đủ khi lực mà đứng lên để lắng xem cho biết đích tiếng ấy ở đâu thì cũng phải ngã siêu ngã sọ. Thi ra tiếng kêu ở trên gác nhà Cụ Nghị Thóc bị cướp đang phá nhà cụ. Lúc ấy ánh sáng đèn măng sông và đèn bin trên gác đều tắt, mà tiếp vào bằng những ánh sáng « bật hồng » của bọn cướp, chúng cầm mỗi lửa

sáng trắng chạy nhốn nháo ngoài sân gạch và các nhà ngang nhà cụ, vì chỗ cụ ở vượt cao, nước lụt năm nay mà chỉ mấp mé đến đầu ngõ nên chúng chạy nhảy tự do không bị lội như ở các nhà khác trong làng ấy.

Trên gác vẫn tiếng kêu « làng, nước » kêu « cướp, cướp », gào thét đưa ra, rồi tiếp đến những tiếng hai bên giao chiến rất kịch liệt, tuy không có bom nặng trên tàu bay ném xuống như ở Thượng-hải độ này, nhưng những tiếng chày đập nước bờ hông vôi vôi ở trên gác ném qua chầu song sắt xuống sân gạch, « độp, chát » luôn luôn nghe cũng không kém gì tiếng trái phá. Một cái khí giới ấy cũng đủ khiến cho bọn cướp phải khiếp đảm. Phương chi lại gạch đá trên gác ném thêm xuống, giào mào trong cửa sổ sủa ra. Cái nhà gác Cụ Nghị Thóc vốn được người khen là một cái pháo - đài rất kiên cố ở nhà quê, thử mà lại có đủ cả những đồ doãn đồ trường đề công thủ một cách hăng - hái như thế, tưởng bọn cướp này mà không để lại mấy cái xác chết bởi những chai nước ném ấy là họa. Vì Cụ Nghị đây là người từng trải, tay trắng làm nên, Cụ có lần đi quân thù hiểu cả cách đánh kẻ cướp, ở vào miền bắc này. Cụ vốn sớm lo về hai cái họa là lụt với cướp, mà lụt với cướp thường đi đôi. Đối với lụt thì Cụ vượt chỗ ở cho thật cao, đối với cướp thì ngoài sự củng kín tường cao. Cụ xây một cái nhà sang để chứa của và giữ cướp. Xem cuộc trốg cự với cướp lúc này thì biết, thật là một cách thủ-hiêm rất khôn khéo vẹn toàn. Cứ độc lực một nhà Cụ, một cái sang với đồ khí giới ấy cũng đủ đánh được bọn cướp lớn mà không cần đến ngoại-viện.

Tiếng kêu « làng, nước » vẫn vang lừng trên gác.

Hó là cái tiếng của người nhà hèn yếu tuân tụy
 hễ bị nạn thì kêu làng mà thôi. Còn Cụ Nại thì
 vẫn cứ hi hục ứng chiến hòa với những tiếng
 người kêu, tiếng chài, gạch ném lại, mới sen tí
 những tiếng « thình thình », rồi đến những tiếng
 « huỳnh huých ». Thì ra kẻ cướp lòng lợi các nhà
 ngang không có vật gì đáng lấy, vì bao nhiêu của
 nả thức hèn thức trọng Cụ đã cho đóng cả vào
 sang từ hôm mới lụt. Bởi thế bọn cướp phá cửa
 gác nên có tiếng thình thình Nhưng cảnh cửa bằng
 gỗ lim giầy, cái hàng giống sắt với bản lề cối, không
 phá được, bọn cướp hèn lấy sa-beng và thường bầy
 tưởng gạch nên có tiếng huỳnh huých.

(còn nữa)

Quảng-tràng-thiệt Cư sĩ

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Đạo sắc lệnh ân xá của Thượng quốc đối với cõi
 Đông-dương. — Ở bên Pháp, Chánh-phủ Bình-dân đã
 định một đạo luật ân-xá, và ký một đạo luật ân-xá cho
 Đông-dương. Trong đạo luật này hoàn toàn ân-xá cho các
 tội đã phạm trước ngày 2 Mai 1937 về những tội đã thi-
 hành ở Đông-dương như những khinh-tội và tội vi-cảnh
 về hội họp, về báo chí, về phá sản, về quân lính, về vi-
 thành đình và nhiều những khinh-tội hay tội vi-cảnh khác.
 Các tội ấy đều được ân-xá và được hủy bỏ các án hồ-sơ,
 người công chức thì được phục-chức, được phục-quyền
 và được hưởng hưu-bổng về cái quỹ hưu-bổng mà mình
 đã góp. Lược trích mấy điều như sau này :

Can về những việc hội họp, việc bảo cử (trừ tội giả
 mạo, hối lộ trong khi bảo cử), việc biểu tình lao động.

Can về luật báo-chí ngày 29 Juillet 1881,

Những phạm-nhân là công-chức làm sở công hay thợ thuyền làm ở sở công bị đuổi hay trừng trị theo kỷ luật đều được ân-xá, trừ những phạm-nhân ấy phạm về tội gian giảo, làm bại hoại đến phong hóa, đến danh-dự thì không được ân-xá, v, v.

Coi đó biết Chánh-phủ Bình-dân thực là thực hành được tinh thần bình dân. Một ơn khoan hồng phổ-độ cho từ nơi thuộc-quốc cũng như ở bản bang. Thực là một chính sách bình-dẳng mà bao nhiêu người vì lầm lỡ hoặc vì vạ gió tai bay sẽ được dịp ăn năn và cảm ơn mến đức.

Trong 12 đại nguyện ở kinh Dược-sư có một điều nguyện cho tất cả mọi kẻ bị Vương-pháp trừng trị, hoặc lầm lỡ bị ức nhục mà phải tù tội hình ngục, đều được giải thoát, đó là một chính kiến đại từ bi giải phóng của đạo Phật. Chúng tôi mong rằng một ngày kia giáo-hóa đại-đồng đều đầy chính lệnh đều công bình, người đời đều lương-hào, biết tuân phép công, làm hết bổn phận, sắc lệnh ân-xá sẽ tiến lên đại-nguyện Dược-sư. Nhà ngục hóa làm nơi giảng đường, thế-giới bấy giờ thực là cực-lạc.

Về thuế muối. — Muối là một vật rất cần trong việc dưỡng sinh. Từ ngày việc bán muối thuộc độ quyền công sở cũng như quyền bán rượu, dân Duyên - hải nước ta những người sống về nghề nấu muối xưa nay rất cực-khổ gặp mấy những dân nấu rượu. Vì dân nấu rượu còn có nghề nông thay vào, đến như dân nấu muối dường bề là chốn đồng chua nước mặn, ngoài nghề nấu muối ra không còn có nghề gì khác nữa. Nay nghề ấy bị mất quyền thì nhân dân khổn đốn là lẽ tất nhiên. Sự khổn đốn không những vì công-sở hà-khắc mà vì chút dịch lạm quyền cũng nhiều. Ai chưa từng nghe việc khổn-khổ của dân nấu muối Duyên-hải, xin xem việc hội bàn ở đại hội-ngự Đông-dương lần này cũng đủ suy biết được ít nhiều tình trạng.

Ngày 23-12-1937 vừa rồi, Đại Hội-ngị tại Hanoi bàn về vấn đề muối. Ông Trần-văn-Khả (Nghị viên Nam-kỳ) đọc tờ yêu cầu của tiểu ban xét về vấn-đề ấy đại ước như sau này :

1.) Tăng giá mua muối cho dân nấu muối đủ sống. 2.) Bãi việc hạn chẽ muối. 3.) Bãi lệ đóng muối dầy có ngạch. 4.) Bãi thuê cho những số muối mà người làm ra dùng riêng ở nhà. 5.) Cấp tiền cho nhà làm muối xưa sang ruộng muối. 6.) Khi nhà Đoan nhận muối không được quá khắt về sắc muối và sức nặng của muối.

Tiểu ban xin nhà Đoan xử dễ dãi cho từng miền như Nam-định được dùng ruộng cũ, Quảng-yên được tăng giá.

Ông Khả lại phản đối nhà Đoan bắt người làm muối phải đóng cho mình dầy quá. Ông xin giá thêm tiền cho người làm muối mà bán hạ giá cho dân mua ăn, không thì giá muối đắt hơn giá cá nên ở Cao-mên có khi phải vát cá xuống bể vì muối đắt.

Ông Khả còn yêu cầu nhà Đoan tìm cách cho muối xuất cảng. Ông Giám-đốc nhà Thương chính đáp lại Tiểu ban. ông nhận có một vài viên nhà Đoan quả có lạm quyền. Nhà nước đã bãi lệ đóng muối mua của dân cao có mũ lên rồi. Như ở Văn-lý có 5 người viên chức nhà Đoan vì làm trái lệnh đã bị bãi.

Quan Phó Toàn-quyền hứa sẽ bỏ ra 10.000 đồng lập các ty bán muối cho dân khỏi bị giá đắt và sẽ miễn thuế muối cho những miền làm mắm như Phú-quốc Phan-thiết. v. v.

Thế là dân làm muối sẽ đỡ được đôi phần khổ đốn về nghề nghiệp sinh nhai mà bấy lâu Chính-phủ không biết đến. Con không khóc mẹ không cho bú là thế.

TIN THẾ - GIỚI

Bên Đại Pháp — Cuối tháng Décembre 1937, ở Paris xảy ra vụ đình công để xin tăng lương của 10 vạn người

lâm các hãng vận-tải và các hãng bán thực phẩm Thành phố đến không có xe chở. Nhà nước phải lấy xe camion của nhà binh ra dùng. Đến nay đã kết liễu. Nhưng coi đó thì đủ biết sự nát của phái lao động bên thương-quốc cũng không lấy gì làm sang-túc cho lắm — Lại ngày 3 Janvier này, tòa án quận Seine đã tuyên án vụ kiện các báo vạch những việc hối lộ và phi-báng mấy yếu nhân hữu phái, xin lược trích mấy lời bình phẩm của đồng nghiệp Đồng-pháp ra ngày 6 Janvier. Các ngài đọc giả cũng hiểu đại yếu vụ án ấy : «... Vụ De La Rocque đã vạch ra những đồng thời nát trong xã-hội thương-lưu của Pháp. Không bao giờ ta lại thấy một con sông đầy dẫy những vật ô-uế đến thế ! Đây là Đại-tá De La Rocque thủ túc hàng và chuc vạn quan. Đây là ông Ybarnégaray đã ăn hối lộ của Chính-phủ 3 vạn quan để mở cuộc cò-động bảo cử. Ông Philippe Herriot đã « nhận » 1 vạn quan của ông De Kérillis mà ngày nay, hai ông Tướng, ở hữu phái đó đang găm ghè nhau. Rồi thì chính bởi ông Tardieu yêu cầu nên mới có 2000 đảng viên Thập tự lửa ra ga « nguyên rùa » ông Briand đi công cán ở ngoại-quốc về. Đến ông Nguyễn Thủ-tướng Tardieu, ông Nguyễn Tổng-trưởng Tardieu cũng chẳng ra quái cái quái gì. Không có những cuộc tranh-luận ở trước tòa án Seine những cuộc tố cáo của hai phái thì công chúng và ta vẫn tưởng các tay yếu nhân hữu-phái đó chỉ ôm một bầu nhiệt huyết, chăm chú vun trồng quyền lợi cho quốc-gia. Sau vụ kiện, ta chỉ có một cái cảm tưởng : « Ra họ lại đến thế kia ư ? »

Cho mời biết đạo Phật lấy « cái tham » là đầu các tội nghiệp, mà cảnh tính cho người luôn luôn là phải lắm.

Miền Địa trung hải và Hồng hải. — Mé tây Địa-trung thì cuộc nội chiến người ta giết lẫn nhau trong đồng loại, vì chủ nghĩa hay vì miếng đỉnh trung của trời. Nhưng mà nay cuộc binh đao ấy vẫn chưa yên. Họ đang kịch-chiến ở vùng Tétel. Vì bên địch, phái tướng Franco, tăng viện binh, nên bên Chánh-phủ Bình-dân coi như trận này

giểu thế. Còn ở A-rập thì vẫn xảy ra những cuộc sung đột với Chính-phủ Anh, người ta nói đó là cái bản tay sắt của Ý dật máy.

Mặt bể Thái bình dương - Toàn thế từ bắc cực đến nam cực, từ đông ngạn đến tây ngạn Thái bình dương, rồi đây có khởi cái kiếp vận hóa đồ những máu người năm giống mà thành cái biển khơi đại bất bình dương hay không. Cái đó không ai quyết đoán trước được. Nhưng hiện vài tuần nay thì mây thành từ phía tây lều ngàn ngạt, cái ác triệu phong ba đạn lửa, coi ra phi bão rất cấp.

Trên đại lục Trung-hoa, cuộc chiến tranh trung - Nhật vẫn đương hăng Nhật thì đang thắng lợi tiến về mặt Thanh đảo mà Trung-hoa thì cũng thắng thế, ngày 1er Janvier đã khôi phục được Hàng-châu. Cuộc xâm-lược ấy chưa có cơ gì liễu kết. Song đó chỉ là cuộc đồ máu soạng rầm trăm triệu anh em giống vàng, còn cuộc đồ máu của cả bà con năm giống vàng, trắng, đỏ, đen, nâu đang lo ở Thái-bình-dương này mới càng ghê lẫm nữa. Cũng vì thấy cái há đồ của Nhật ngày càng bành trướng ra Thái-bình-dương mà các cường quốc Âu-Mỹ có quyền lợi ở sung quan Thái bình dương đều đang tới tấp dự bị cuộc hải-chiến. Mé bắc Ngã mở đại quân cảng ở Hải xâm uy có chỗ che được 40, 50 tàu ngầm tìm cách đem chiến hạm qua Bắc-băng-dương sang mua thêm nhiều tàu trận của Mỹ, và lập xưởng đóng tàu ngầm. Mé tây Nhật tăng chiến hạm cho Đông-dương. Mé đông bắc, Mỹ tập toàn lực hải quân trên mặt biển từ Aléoutines đến Hawai đến Panama. Mé tây và tây nam, Anh lập tân gia ba thành một quân cảng rất hùng vĩ để nắm rái thềm khóa giữa Thái-bình-dương và Trung - quốc hải cho được bắc tiếp ứng với Hương-cảng, nam giữ Ấn-độ. Úc-đại-lợi-á và đảo Nouvelle Zéland là những thuộc địa của Anh, ở Tân-gia-ba mới xây thêm ba pháo đài, nhiều pháo đài nhỏ, đường hầm bọc bit teong và thêm nhiều phi-cơ, quân lính. Thế mà hải quân Nhật vẫn cứ tung hoành ở mặt bể Trung quốc, nay đã tiến đến cái đảo mé đông ngoài phạm bể Trung kỳ.

PHẬT - GIÁO TÂN - LUẬN

(liếp theo)

Ấy những trang trung thần liệt-sĩ ở Nhật-bản nhờ Phật cảm hóa cho là ở đó. Việt- am hai đời Lý-Trần có nhiều những việc hi-sinh oanh liệt để cống hiến cho đời, cũng là do ở đó.

Tóm lại mục hiệu quả này, tôi dám kết luận rằng : Xã hội ngày nay càng cần phải nhờ đến chủ nghĩa từ-bi bình đẳng của đạo Phật để mà cảm hóa một cách triệt-đề cho phổ thông quần chúng. Phạm chính trị, giáo dục, tư tưởng, hành vi, đều có nhuần thấm tinh thần từ bi bình đẳng ấy, để cầu giải thoát cho quần chúng hiện thời, rồi lấy hết thảy mọi khoa tân học nào không trái với chính pháp làm lợi khí, mà thực hành đại-nguyện cứu-thế chung kia, thì mới là hoàn thiện. Chứ bác đạo Phật mà bảo đạo Phật là vất bỏ đời người như vị Anh nho trên kia, đã là không hiểu đạo Phật, mà chỉ biết một tôn đạo Phật mà mặt xát hết thảy mọi khoa tân học, rồi bảo trong các kinh sách Phật đã tự có đầy đủ cả mọi khoa học doanh sinh trị quốc rồi, không cần phải cầu ở ngoài, như mấy nhà chấn hưng đạo Phật ở Trung-quốc thì lại càng không hiểu cách tham học của đạo Phật là thế nào. Như ý kiến những nhà Trung-quốc đó, không những làm cho mình thêm úng tắc thông minh mà lại khiến cho cả đạo Phật bị dật lùi nữa.

III - TU DƯỞNG

Như trên đã xét, giáo nghĩa đạo Phật không ngoài hai phần là duy tâm và phả độ, Giáo nghĩa ấy hoàn toàn là cải cách lại cái tệ mê trấp của đạo cũ Bà-la-môn mà lập ra Chủ nghĩa duy tâm là phả lại cái tệ khổ hạnh diệt thân của Bà-la-môn, chủ nghĩa phả độ là phả lại cái tệ trán đời và vị kỷ của đạo ấy. Bởi vậy phép tu hành của đạo Phật bây giờ chỉ là một phép tu học tu dưỡng để cho mình thành một cái nhân cách cao

thượng, trong giữ lấy chân tâm mà tự chứng ở nơi tinh thần siêu việt, ngoài thực hành phả độ mà lập nên công đức cho mình ở hiện thế này. Tinh thần tu hành đạo Phật chỉ có thế, chứ chẳng phải cách tu luyện khổ hạnh diệt thân, trằn đời thoát lụy, cũng chẳng phải cách tu chuyên lấy lễ lấy cầu nguyện làm công đức, lại cũng chẳng phải là cách tu huyền hoặc, bùa thiêng phép lạ gì như thói tục đã lầm tưởng. Phải biết những cách tu như trên ấy, Phật đều cho là tà đạo ma tông đã trừ bỏ đi hết, nay trong sách đạo Phật mà còn có một đôi chỗ sót lại những nghiã giống như thế là do người sau mới bị lại cái ảnh hưởng của Bà-la-môn mà tạp thái vào rồi thác làm lời Phật.

Đạo Phật đã không mê chấp, thì phép tu đạo Phật tất nhiên là phép quang minh, chân thực, không có gì là mờ ám, trái ngược với lẽ thường, cho nên xuất gia thành Phật được mà tại gia cũng thành Phật được. Cõi đó thì phép tu của đạo Phật giản dị phương tiện là dường nào.

Song đã là một tông-môn thì ở trong tất phải có một qui-điều, một gia phong riêng, uó khác với lưu-tục. để làm khuôn phép cho trong đồ-chúng khỏi phóng túng, tức là giới luật. Có giới mới có định, có định mới sinh tuệ. Giới luật thực là một cái thuyền đưa sự tu học qua cái bể mông mênh tới bờ yên ổn vậy. Tuy thế nhưng phạm những kinh sách cổ lưu truyền đã mấy nghìn năm của đạo giáo nào cũng thế, phần chính lý bất dịch thì ít mà phần quá thời hoặc người đời sau phụ họa gia thác thì nhiều. Kinh sách trong đạo Phật cũng không khỏi có cái tệ ấy. Vậy ngày nay học lý xương minh, cũng chính là lúc Phật-học phục hưng, tức như vẽ một mục giới luật ta cũng nên nhất phiên xét hạch mà chỉnh lý lại, bỏ những tử-pháp đi mà giữ lấy hoạt pháp lại.

(còn nữa)

GIÚP NẠN DÂN BỊ LỤT

Chi Hội Phật-giáo (Haenam)	8\$15
M. Nguyễn-văn-Nhung à Thủ-đầu một	2.00
Các hội-viên thiện-lín xã Kim-cang, huyện Thanh-hà Haiduong	15.00
Số tiền thu trước	1203 26
Cộng . . .	1.228\$41

Nơi nào đã gửi tiền lên Trung-wong giúp dân bị lụt rồi mà chưa thấy đăng báo, thì xin cứ biên thư về nói rõ số tiền cúng và giao số liên ấy cho ai, để tiện việc tra cứu

KHÓA LỄ XÁM NGUYỆN

ĐÃ IN XONG

Đóng thường giá 0\$30

Đóng kỹ 0 50

Gáy da mạ vàng 1.00

Ở xa gửi thêm 0\$20 cước

In cả chữ nho-quốc-ngữ đối chiếu, có dịch nghĩa rõ ràng, ai biết Quốc-ngữ cũng đọc được lễ được hiểu được.

Thư và mandat xin gửi cho :

M Nguyễn-hữu Kha

N° 73, Rue Richaud — Hanoi

CHI HỘI PHẬT-GIÁO HAIPHONG

Sẽ diễn tại chùa Yên ngày rằm tháng chạp ta

Hội Phật giáo Haiphong, sẽ diễn tại chùa Yên ngày rằm tháng chạp ta tức là chủ nhật 16 Janvier 1938 hồi 19 giờ 30 kính mời các thân hào trong thành-phố và các đạo hữu đến dự lễ thì bảx-hội lấy làm cảm tạ. Diễn giả là M. Phạm văn-Phung thượng hạng phán sự sở Thượng chánh hội-viên Trị-sự Hội Phật-giáo sẽ diễn về hai chữ « Tin-ngưỡng ».

Hội Phật giáo bá cáo

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Đặng văn Vinh, Bắc ninh	1\$00
Đặng ngọc Oanh, Bắc ninh	0.70
Bùi văn Đề Hadong	1.00
Lưu văn Thành, Hà tiên	1.00
Phạm văn Tiên, Namdinh	2.50
Lê văn Nguyên, Bái thượng	2.00
Quách Điều và Quách Quang, Hà bình	3.00
Vũ xuân Tiệp, Luang Prabang	1.00
Nguyễn thị Xuyên, Sept Pagodes	1.50
Trương thiện Bồn, Cai môn	1.00
Ngô văn Kính, và Nguyễn thanh Hiền, Maokhé	2.00
Nguyễn văn Nhung, Thủ đầu một	1.50
Công chân, Haidương (trả cho 6 vị)	5.98
Giáo Huệ Chơn, Longxuyên	1.00
Nguyễn huy Đào, Đông triều	1.50
Nguyễn văn Cúc, Haidương	1.50
Sư cụ Trinh xá, Ngakhé	2.50
Sư ông Trần ngọc Trảo, Lạc quân (trả cho bốn vị)	4.00
M. M. Nguyễn văn Nhung, Kiến an	6.00
Lê kim Lâu, Cairang	1.00
Trần đình Bể, Vinhlong	1.50
Phạm văn Thành, Namdinh	1.80

Cùng M. Lý thái Nhật chez Monsieur Hà văn Điền
Instituteur Hà tiên hội lấy 4 số nhưng chỉ còn 2 số,
hai số 56 và 63 hết cả, ngài vui lòng cho.

M Phạm đình Tá hội-viên Phật học Annam ngài có
hỏi giá kinh Địa tạng. Vậy xin phúc đáp ngài rõ 1 quyển
toàn bộ giá 1\$00 và 2 số báo thiếu chỉ còn một số, còn
số 56 hết rồi, ngài vui lòng cho.

Thích tịnh Quang Điện bà Tây ninh. Vị Di-na đã trả
tiền báo năm 1936 và 1937.

M. Hồ đình Bảo N. 21 Rue commerce Kiến an, ngài đã
trả đơn 1 năm là 1\$00 kể từ số 28 đến số 60.

M. Vũ văn Minh Kiến an. Ngài mua báo từ số 19
đến số 88 là hết hạn hai năm, Báo-báo đã nhận được
cái mandat 2\$00 của ngài.